

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp	2
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	2
1.1.2.1. Khái niệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	2
1.1.2.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	3
1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp	3
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp	5
1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ	5
1.1.5.1. Phân loại nguyên vật liệu	5
1.1.5.2. Phân loại công cụ dụng cụ	6
1.1.6. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	7
1.1.6.1. Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	7
1.1.6.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho	7
1.1.6.3. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho	8
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp	11
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	11
1.2.1.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song	11
1.2.1.2. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:	12
1.2.1.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ số dư:	14
1.2.2. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC	16
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên	16

1.2.2.2.Hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kiểm kê định kỳ..	22
1.2.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	25
1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	26
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	28
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	30
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO.....	36
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Sivico.....	36
2.1.1. Chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Sivico.....	36
2.1.2. Thành tích đạt được trong những năm qua	38
2.1.3. Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sivico	38
2.1.4. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Sivico	40
2.1.5.Hình thức kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Sivico.....	43
2.1.6. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Sivico	45
2.2.Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Sivico	46
2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico. 46	
2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Sivico	46
2.2.1.2. Phân loại công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico.....	46
2.2.2. Công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	46
2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	47
2.2.3.1. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho	47
2.2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho	47
2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	47
2.2.4.1. Thủ tục nhập kho.....	47
2.2.4.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	49
2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico.....	51
2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico.....	68

2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng:	68
2.2.6.2. Tài khoản kế toán sử dụng:	68
2.2.6.3. Quy trình hạch toán:	68
2.2.6.4. Ví dụ minh họa:	69
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO	74
3.1.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần Sivico:	74
3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới.....	74
3.1.2. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu, CCDC nói riêng tại Công ty cổ phần Sivico	74
3.1.2.1. Ưu điểm.....	75
3.2.1. Hạn chế	78
3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico.....	79
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.....	79
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	79
3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, CCDC tại Công ty cổ phần Sivico:	80
3.2.3.1. Hoàn thiện việc lập Sổ danh điểm vật tư	80
3.2.3.2. Hoàn thiện việc lập phiếu yêu cầu vật tư:	83
3.2.3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	83
3.2.3.4. Cập nhật sự thay đổi của chế độ kế toán mới:	84
3.2.3.5. Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	85
3.2.3.6. Hoàn thiện việc xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu.....	88
KẾT LUẬN	89

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế đang trên đà phát triển mạnh mẽ cùng với sự cạnh tranh gắt gao trên thị trường trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp muốn đứng vững trên thị trường cần phải biết sử dụng các công cụ quản lý sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất.

Xuất phát từ nhu cầu đó, kế toán trở thành công cụ đắc lực trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chiếm tỷ trọng lớn trong toàn chi phí của doanh nghiệp. Do đó, việc sử dụng hợp lý chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trên cơ sở định mức và dự toán chi phí là biện pháp hữu hiệu nhất để hạ thấp giá thành, tăng thu nhập cho doanh nghiệp.

Với kiến thức được trang bị trong thời gian học tập tại trường cũng như với sự nhận thức được tầm quan trọng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất, trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Sivico, em đã nghiên cứu chọn đề tài:” **Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico**” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung chính của bài khóa luận được trình bày gồm ba phần:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico.

Do thời gian có hạn và còn hạn chế về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tế, nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi thiếu sót về mặt nội dung và hình thức. Em mong nhận được sự góp ý của thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Trịnh Thùy Linh

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ là yếu tố cấu thành nên sản phẩm, giá trị của nó chiếm tỷ trọng lớn, từ 60% đến 70% trong giá thành sản phẩm, là yếu tố đầu vào không thể thiếu được trong quá trình sản xuất. Xuất phát từ vai trò quan trọng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng. Trong một chừng mực nào đó, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là cơ sở để tăng thêm sản phẩm mới cho xã hội, tiết kiệm nguồn tài nguyên vốn không phải là vô tận.

Kế toán là công cụ phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Nó góp phần kiểm soát, tránh thất thoát, lãng phí nguyên vật liệu ở tất cả các khâu dự trữ, sử dụng, thu hồi... ngoài ra còn đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời, đồng bộ các nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập xuất dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm. Vì vậy cần thiết phải tổ chức hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp và có làm tốt điều này mới tạo tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.1.2.1. Khái niệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất, kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản xuất sản phẩm.

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh giá trị nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nên giá trị của sản phẩm dịch vụ tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

Công cụ dụng cụ là một bộ phận của hàng tồn kho, là những tư liệu lao động không có đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định với Tài sản cố định.

1.1.2.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Về mặt hiện vật: Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ, thay đổi hình dạng ban đầu sau quá trình sử dụng. Công cụ dụng cụ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm, cung cấp dịch vụ và không thay đổi hình dạng ban đầu sau quá trình sử dụng.

Về mặt giá trị: Giá trị của nguyên vật liệu chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới được tạo ra. Còn giá trị của công cụ dụng cụ hao mòn dần được dịch chuyển từng phần vào giá trị sản phẩm mới tạo ra.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Từ vị trí quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh những vật liệu, công cụ dụng cụ thường xuyên biến động vì nó được thu mua từ nhiều nguồn, nhiều nơi khác nhau và xuất dùng cho nhiều đối tượng sử dụng cho nên để quản lý được vật liệu, công cụ dụng cụ thúc đẩy việc cung ứng kịp thời, đồng bộ những vật liệu, công cụ dụng cụ cho sản xuất. Các doanh nghiệp thường xuyên phải tiến hành thu mua vật liệu để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và các nhu cầu khác của doanh nghiệp. Xuất phát từ đó thì việc quản lý, kiểm tra vật liệu, công cụ dụng cụ là điều quan trọng không thể thiếu được. Đó là việc kiểm tra, giám sát chấp hành các định mức dự trữ, tiêu hao vật liệu, công cụ dụng cụ ngăn ngừa các hiện tượng hư hao mất mát lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất qua đó góp phần giảm bớt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, hạ thấp chi phí sản xuất giá thành sản phẩm.

Đồng thời qua việc quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ giúp cho kế toán nắm được một cách chính xác, kịp thời về số lượng, chất lượng và giá thành thực tế từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho, nhập kho. Tổ chức tốt công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ còn có tác dụng tính toán, kiểm tra giám sát và đôn đốc tình hình thu mua dự trữ và tiêu hao, qua đó phát hiện và

xử lý kịp thời việc thừa thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất ngăn ngừa những trường hợp sử dụng lãng phí vật liệu, công cụ dụng cụ trên cơ sở cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đó chính là nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Quản lý vật liệu từ khâu thu mua, bảo quản, sử dụng và dự trữ vật liệu, công cụ dụng cụ là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp.

○ Ở khâu thu mua: Việc tổ chức kho hàng bên bãi trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo sao cho đủ về số lượng, đúng chủng loại, tốt về chất lượng, giá cả hợp lý, nhằm hạ thấp chi phí nguyên vật liệu đưa vào sản xuất, góp phần quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm.

○ Ở khâu bảo quản: Phải đảm bảo theo đúng chế độ quy định tổ chức hệ thống kho hợp lý, để từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ không thất thoát, hư hỏng kém chất lượng, ảnh hưởng đến chất liệu sản phẩm. Đảm bảo an toàn là một trong các yêu cầu quản lý về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

○ Ở khâu dự trữ: Phải tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được tiến hành liên tục, cần quan tâm quản lý tốt khâu dự trữ. Doanh nghiệp phải xác định mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại vật liệu để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được bình thường không bị ngưng trệ, gián đoạn. Để đáp ứng các yêu cầu quản lý sao cho đầy đủ chặt chẽ và chính xác thì việc áp dụng đúng đắn và đầy đủ về chế độ ghi chép ban đầu, mở các sổ kế toán, thẻ kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ theo đúng chế độ đúng phương pháp quy định, phù hợp với thực chất của mỗi cơ sở kiểm kê đánh giá.

○ Ở khâu sử dụng: Do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất vì vậy cần sử dụng nguyên vật liệu đúng định mức tiêu hao, đúng chủng loại, phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ thấp chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

Do đó, công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là rất quan trọng nhưng trên thực tế có những doanh nghiệp vẫn để thất thoát một lượng nguyên vật liệu khá lớn do không quản lý tốt nguyên vật liệu ở các khâu, không xác định mức tiêu hao hoặc có xu hướng thực hiện không đúng. Chính vì thế luôn luôn phải cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho phù hợp với thực tế.

1.1.4.Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Nhận thức được vị trí của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất đòi hỏi hệ thống quản lý phản ánh chính xác đầy đủ các thông tin về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Do vậy, nhiệm vụ đặt ra đối với công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Tính giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã mua. Kiểm tra tình hình thực tế kế hoạch thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn,...nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho quá trình sản xuất kinh doanh.
- Áp dụng đúng đắn phương pháp hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Hướng dẫn và kiểm tra các phân xưởng, các phòng ban trong đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Kiểm tra tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Phát hiện, ngăn ngừa đề xuất biện pháp xử lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để động viên đúng mức nguồn vốn nội bộ, tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn. Tính toán chính xác về số lượng, giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thực tế đã đưa vào sử dụng và tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh. Phân bổ các giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã tiêu hao vào các đối tượng sử dụng.
- Tham gia kiểm kê và đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo chế độ quy định. Lập các bản báo cáo về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Phân tích kinh tế tình hình thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

1.1.5.Phân loại nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ

1.1.5.1.Phân loại nguyên vật liệu

➤ Phân loại theo vai trò và công dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh có các loại

- *Nguyên vật liệu chính:* là đối tượng lao động chủ yếu, cấu thành nên thực thể sản phẩm. “Nguyên liệu” là thuật ngữ chỉ đối tượng lao động chưa qua

chế biến công nghiệp, “Vật liệu” dùng để chỉ những nguyên liệu đã qua sơ chế.

- *Vật liệu phụ*: là những vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.
- *Nhiên liệu*: là những thứ được tiêu dùng cho sản xuất năng lượng như than, dầu mỏ, hơi đốt... Nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ được tách thành một nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó và nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.
- *Phụ tùng thay thế*: gồm các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải.
- *Thiết bị xây dựng cơ bản*: bao gồm các loại thiết bị cần lắp, không cần lắp, các vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản, trong công nghiệp.
- *Vật liệu khác*: là các loại vật liệu không được xếp vào các loại kể trên. Chủ yếu là các loại phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất, hoặc từ thanh lý TSCĐ.

➤ **Phân loại theo nguồn hình thành gồm 3 loại**

- *Vật liệu tự chế*: là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ nhu cầu sản xuất.
- *Vật liệu mua ngoài*: là vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.
- *Vật liệu khác*: là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

➤ **Phân loại theo mục đích sử dụng**

- *Vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm*
- *Vật liệu dùng cho các nhu cầu khác*: phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp.

1.1.5.2. *Phân loại công cụ dụng cụ*

Tương tự như vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất khác nhau cũng có những sự phân chia khác nhau, song nhìn chung công cụ dụng cụ được chia thành các loại sau:

➤ **Phân loại theo vai trò của công cụ dụng cụ trong quá trình sản xuất kinh doanh có các loại**

- Dụng cụ gá lắp chuyên dùng cho sản xuất.
- Dụng cụ đồ nghề.
- Dụng cụ quản lý.
- Dụng cụ quần áo, bảo hộ lao động.
- Khuôn mẫu đúc các loại.
- Lán trại.
- Các loại bao bì dùng đựng hàng hóa vật liệu.

➤ **Phân loại theo công tác quản lý công cụ dụng cụ có các loại như sau:**

- Công cụ dụng cụ lao động.
- Bao bì luân chuyển.
- Đồ dùng cho thuê.

Tương tự đối với vật liệu, trong từng loại công cụ dụng cụ cần được phân chia chi tiết hơn thành từng nhóm, từng thứ, tùy theo yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp.

1.1.6. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.1.6.1. Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Áp dụng điều 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài Chính “Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được” Trong đó:

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Giá mua, chi phí thu mua, chi phí chế biến và các loại chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được: là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán NVL ở các doanh nghiệp, NVL được tính theo giá thực tế.

1.1.6.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho

Tính giá của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá gốc. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho trong kỳ của

doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu, công cụ dụng cụ được xác định khác nhau.

Đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của NVL,} \\ \text{CCDC} \\ \text{mua ngoài} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CKTM,} \\ \text{Giảm giá} \\ \text{hàng mua} \end{array}$$

Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ thuê ngoài gia công chế biến

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{VL,CCDC thuê} \\ \text{ngoài gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{vật liệu, DC} \\ \text{xuất thuê ngoài} \\ \text{gia công chế} \\ \text{biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê ngoài} \\ \text{gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{vận} \\ \text{chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ tự chế

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{VL, CCDC tự chế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{xuất VL,DC} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển(nếu có)} \end{array}$$

Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ được cấp

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế VL, CCDC} \\ \text{được cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo biên bản giao} \\ \text{nhận} \end{array}$$

Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ nhận vốn góp liên doanh

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của VL, CCDC} \\ \text{nhận vốn góp liên doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vốn góp do hội} \\ \text{đồng liên doanh đánh giá} \end{array}$$

Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ được biếu tặng, viện trợ

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của VL,CCDC} \\ \text{được biếu tặng, viện trợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị tại thời điểm} \\ \text{nhận} \end{array}$$

Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của phế liệu} \\ \text{thu hồi} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá có thể sử dụng lại} \\ \text{hoặc giá có thể bán} \end{array}$$

1.1.6.3. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Điều 13 chuẩn mực số 02 nêu ra 4 phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho. Ngoài ra trên thực tế còn có phương pháp giá hạch toán. Tuy nhiên khi xuất kho kế toán tính toán, xác định

giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng kí áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

Phương pháp giá thực tế đích danh: Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Ưu điểm: Xác định được chính xác về giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ rất phức tạp.

Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho và đơn giá bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hóa khi nhập, xuất kho.

Có 2 loại: Bình quân gia quyền cả kỳ và Bình quân liên hoàn.

Công thức tính:

$$\text{Giá thực tế của NVL, CCDC xuất kho} = \text{Số lượng thực tế xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

Trong đó đơn giá bình quân có thể được tính bằng một trong hai cách sau:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL,CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế NVL,CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá NVL,CCDC sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng NVL,CCDC sau mỗi lần nhập}}$$

Đơn giá bình quân có thể được xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của NVL, CCDC xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

Đơn giá bình quân có thể được xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ

nhieu nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Ưu điểm: Cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất cho kịp thời, phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ. Trong thời kỳ lạm phát phương pháp này sẽ cho lợi nhuận cao do đó có lợi cho các công ty cổ phần khi báo cáo kết quả hoạt động trước các cổ đông làm cho giá cổ phiếu của công ty tăng lên.

Nhược điểm: Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu, công cụ dụng cụ nào nhập sau được sử dụng trước và tính theo đơn giá của lần nhập sau. Phương pháp này cũng được áp dụng với các doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ giảm phát.

Ưu điểm: Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp trở nên chính xác hơn. Tính theo phương pháp này doanh nghiệp thường có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng tăng, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn sẽ dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong thời kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

Trên đây là cách tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho theo giá vốn thực tế và giá hạch toán. Tùy theo tình hình thực tế của từng doanh nghiệp khác nhau về tính chất ngành nghề sản xuất, yêu cầu quản lý và sử dụng

vật liệu, trình độ cán bộ công nhân viên mà các cách đánh giá trên sẽ được áp dụng cho phù hợp.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.2.1.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp thẻ song song

a) Nội dung

Ở kho: Thủ kho sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép các số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối tháng tính ra số tồn kho trên thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi các chứng từ nhập xuất cho kế toán đã được phân loại theo từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ.

Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được chứng từ nhập xuất vật liệu do thủ kho gửi lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị hoàn chỉnh chứng từ và phản ánh vào các sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ, mỗi chứng từ được ghi một dòng.

Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu, công cụ dụng cụ để tiến hành so sánh số liệu giữa:

- ✓ Sổ kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ với thẻ kho của thủ kho.
- ✓ Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn với sổ kế toán tổng hợp.
- ✓ Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê trên thực tế.

Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.

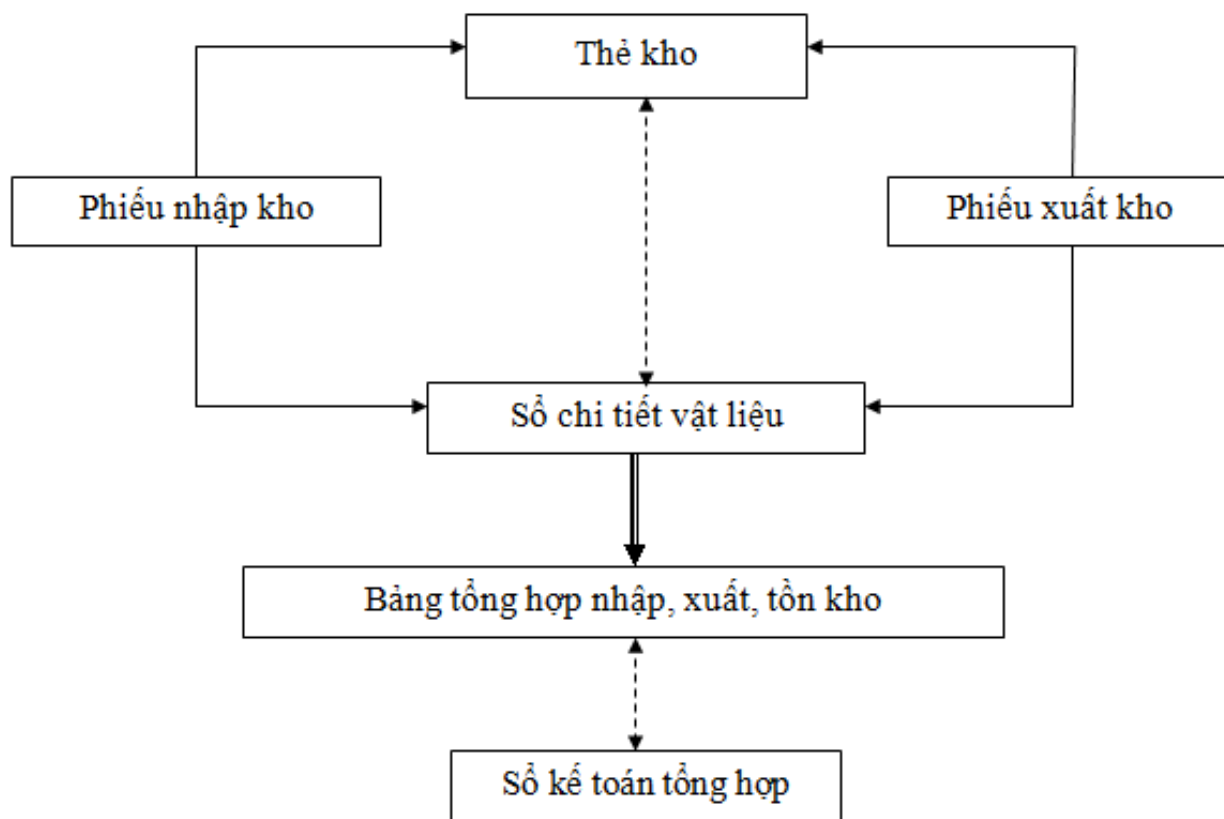
Nhược điểm: Trùng lặp giữa kế toán và kho về mặt số lượng

Điều kiện áp dụng: Thích hợp với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Tuy nhiên nếu trong điều kiện doanh nghiệp đã áp dụng kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Phương pháp này có khuynh hướng ngày càng được áp dụng rộng rãi bởi tính thuận tiện của nó cũng như việc áp dụng kế toán máy ngày càng được phổ biến trong các doanh nghiệp.

b) Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.1. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ← - - - - → Quan hệ đối chiếu

1.2.1.2. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

a) Nội dung

Ở kho: Thủ kho vẫn sử dụng “Thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập xuất tồn của từng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về mặt số lượng.

Ở phòng kế toán: Để theo dõi tình hình nhập xuất từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ về mặt lượng và mặt giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cho cả năm và được ghi chép một lần

vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp những chứng từ nhập, xuất trong tháng, mỗi danh điểm vật liệu, công cụ dụng cụ được ghi vào một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, tiến hành phân loại theo từng vật liệu, công cụ dụng cụ riêng hoặc có thể lập “Bảng kê nhập” và “Bảng kê xuất”.

Cuối tháng, tập hợp các số liệu từ các chứng từ hoặc bảng kê ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Tiến hành đối chiếu số liệu giữ sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu đối chiếu tổng hợp.

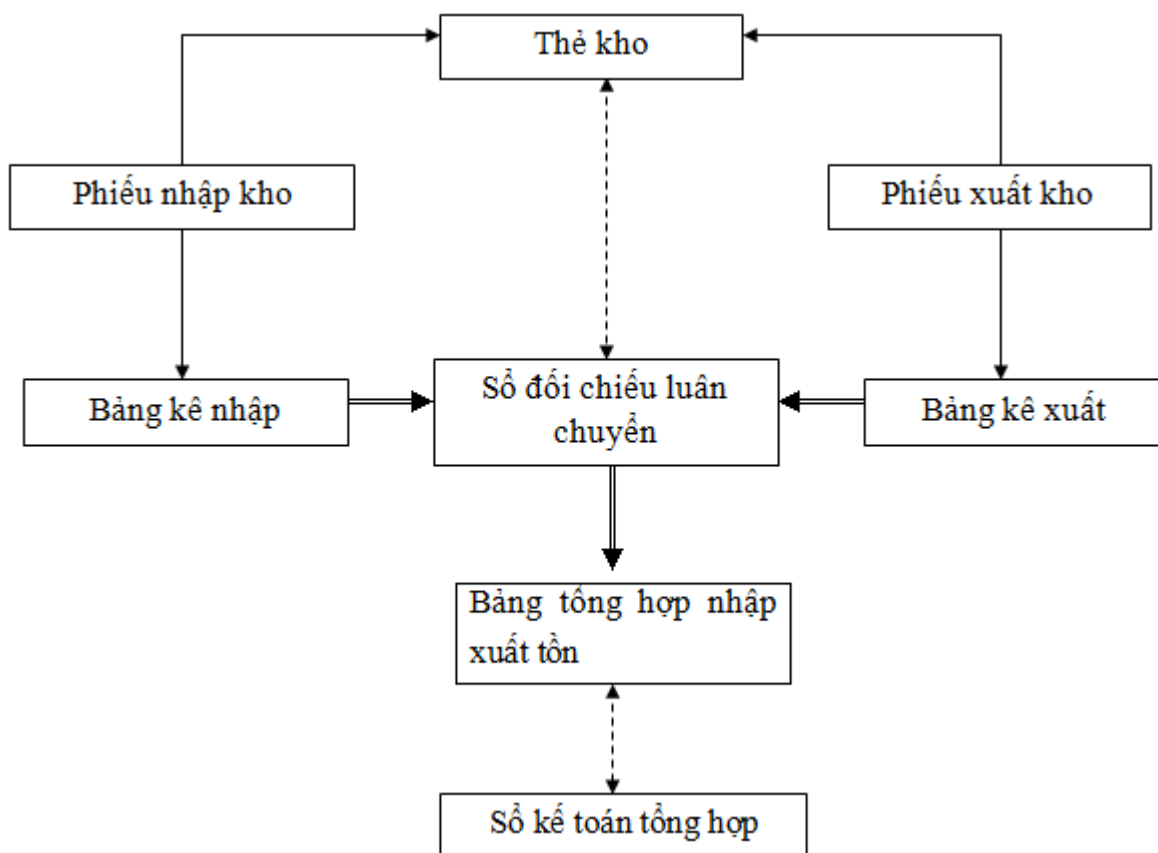
Ưu điểm: Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng.

Nhược điểm: Phương pháp này vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra số lượng chỉ tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

Điều kiện áp dụng: Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế.

b) Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.2. Hạch toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- <-----> Quan hệ đối chiếu

1.2.1.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp sổ số dư:

a) Nội dung

Ở kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất tồn ngoài ra cuối tháng thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên thẻ kho vào sổ số dư.

Ở phòng kế toán: Kế toán định kỳ xuống kho thu nhận chứng từ nhập xuất kho. Khi nhận được chứng từ nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ và tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho. Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Số dư này dùng để đối

chiếu với cột “số tiền” trên sổ số dư (số liệu trên sổ số dư được tính bằng cách lấy số lượng tồn kho x giá hạch toán).

Ưu điểm:

- Phương pháp này sẽ giúp giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và theo nhóm vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.
- Khối lượng công việc được dàn đều trong tháng.

Nhược điểm:

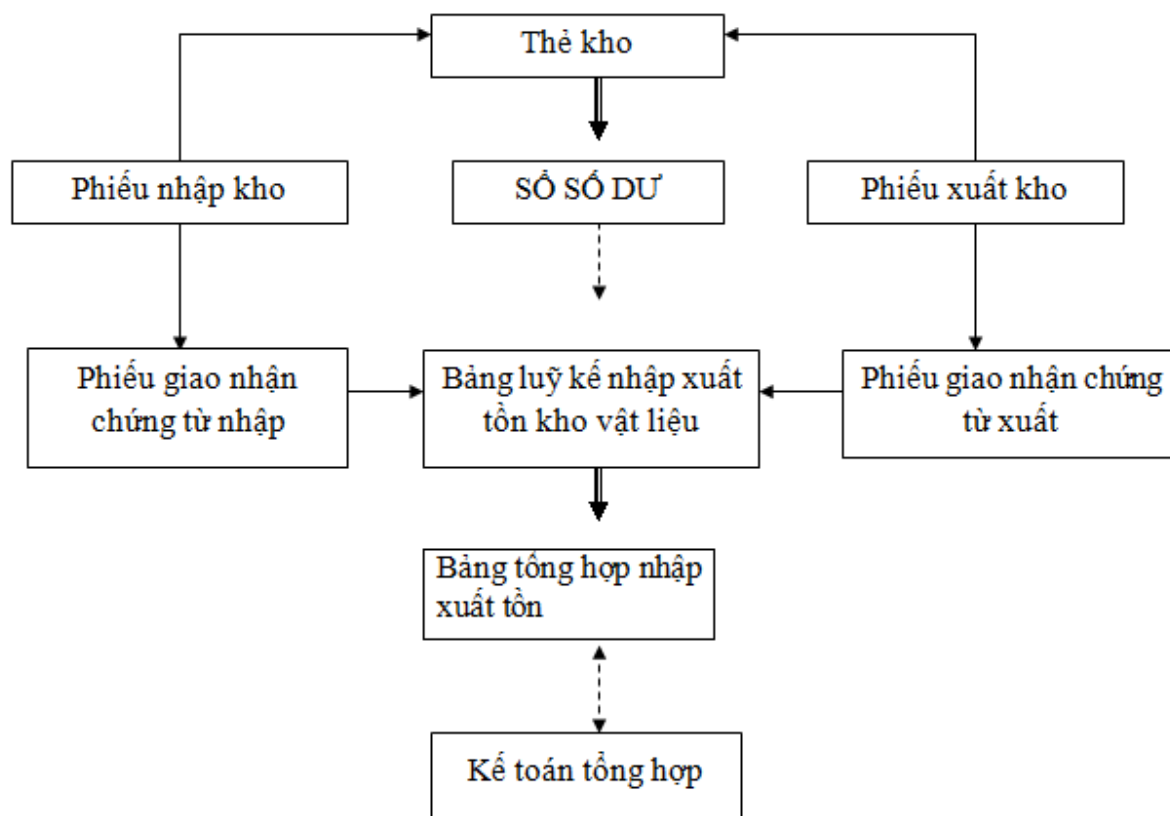
- Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ nên để thông tin về tình hình nhập xuất tồn của từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ thì phải căn cứ vào thẻ kho.
- Việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa phòng kế toán và kho rất phức tạp.

Điều kiện áp dụng:

- Đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật liệu, công cụ dụng cụ việc nhập, xuất diễn ra thường xuyên.
- Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu, công cụ dụng cụ hợp lý. Cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng.

b) Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.3.Sơ đồ chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

1.2.2.Kế toán tổng hợp NVL, CCDC

1.2.2.1.Kế toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên

a) Chứng từ sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu, CCDC bao gồm:

- a. Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT).
- b. Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT).
- c. Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03-VT).
- d. Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT).
- e. Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 05-VT)
- f. Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT).
- g. Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)

- h. Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL).
- i. Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL).
- j. Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03P XK-3LL).

Tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện khoa học. Mọi chứng từ phải được lập đầy đủ, kịp thời theo quyết định ban hành về mẫu biểu, nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

b) Tài khoản sử dụng

TK 152- Nguyên liệu, vật liệu

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động về các loại nguyên vật liệu của doanh nghiệp theo giá trị vốn thực tế (có thể mở chi tiết cho từng loại, nhóm thứ vật liệu).

Tùy theo yêu cầu quản lý của từng loại doanh nghiệp TK 152 có thể mở các tài khoản cấp 2 chi tiết như sau :

TK 1521 : Nguyên vật liệu chính.

TK 1522 : Vật liệu phụ.

TK 1523 : Nhiên liệu.

TK 1524 : Phụ tùng thay thế.

TK 1525 : Thiết bị xây dựng cơ bản.

TK 1528 : Vật liệu khác.

***Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 152**

Bên Nợ

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận vốn góp liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện bên kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên Có

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến, hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.

- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

TK 153- Công cụ dụng cụ

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động về các loại công cụ, dụng cụ trong kho của doanh nghiệp theo giá trị vốn thực tế (có thể mở chi tiết cho từng loại, từng nhóm thứ công cụ dụng cụ).

Tùy theo yêu cầu quản lý của từng doanh nghiệp TK 153 có thể mở các tài khoản cấp 2 chi tiết như sau :

TK 1531 : Công cụ dụng cụ.

TK 1532 : Bao bì luân chuyển.

TK 1533 : Đồ dùng cho thuê.

***Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 153**

Bên Nợ

- Trị giá thực tế của công cụ dụng cụ nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận vốn góp liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá công cụ dụng cụ thừa phát hiện bên kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên Có

- Trị giá thực tế của công cụ dụng cụ xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến, hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá công cụ dụng cụ trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại công cụ dụng cụ khi mua được hưởng.
- Trị giá công cụ dụng cụ hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ

- Trị giá thực tế của công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ.

TK 151- Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá các nguyên vật liệu mua ngoài mà doanh nghiệp đã mua đã chấp nhận thanh toán và thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho của doanh nghiệp, còn đang đi trên đường vận

chuyển ở bên cảng, bên bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho hoặc hàng đi đường tháng trước tháng này nhập kho.

***Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 151**

Bên Nợ

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường cuối kì (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Bên Có

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường đầu kì (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Số dư bên Nợ

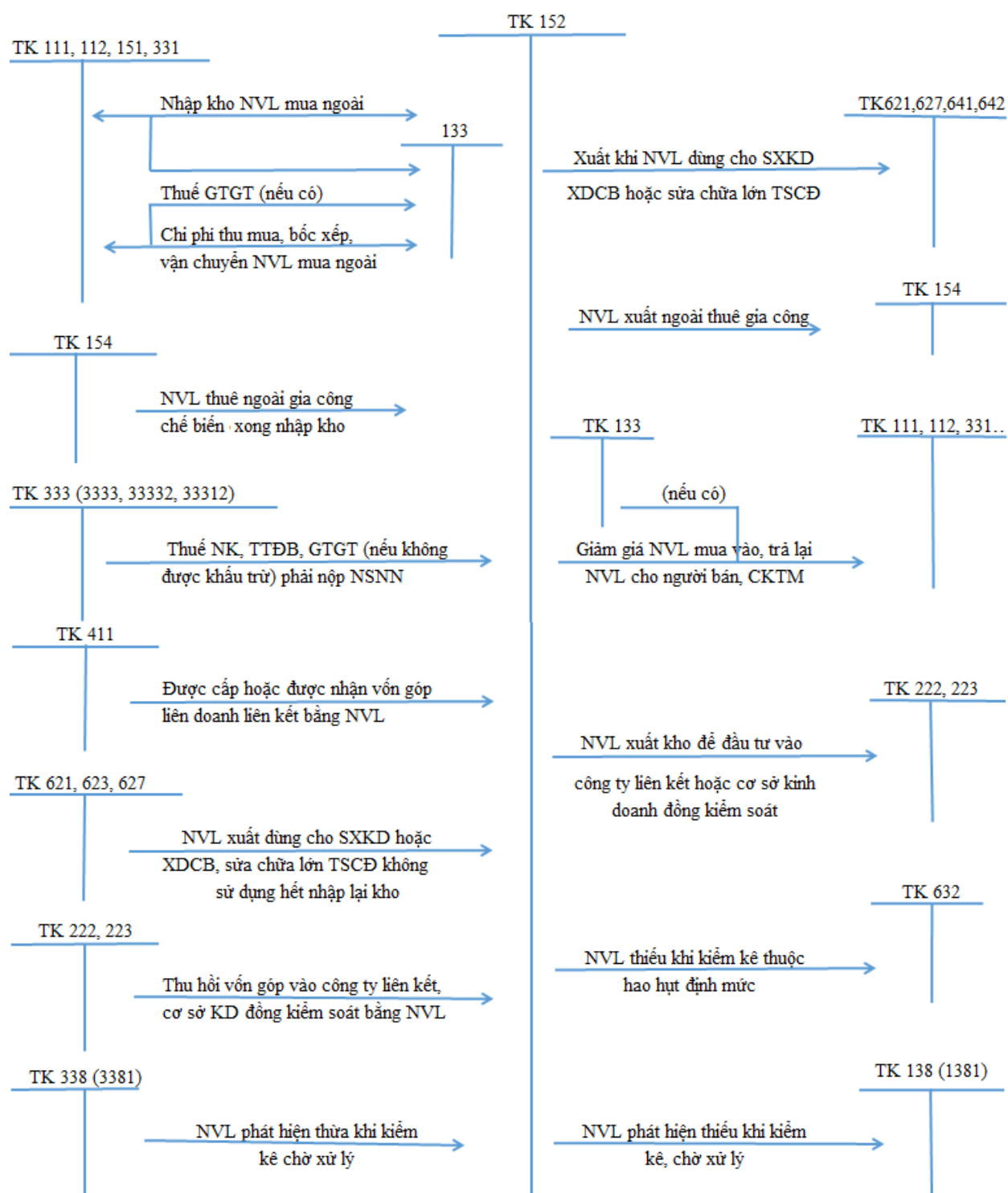
- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị).

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các TK như TK 331, TK 621, TK627, TK 642, TK 142, TK 242, TK 241, TK 111, TK 112, TK 141. TK 138...

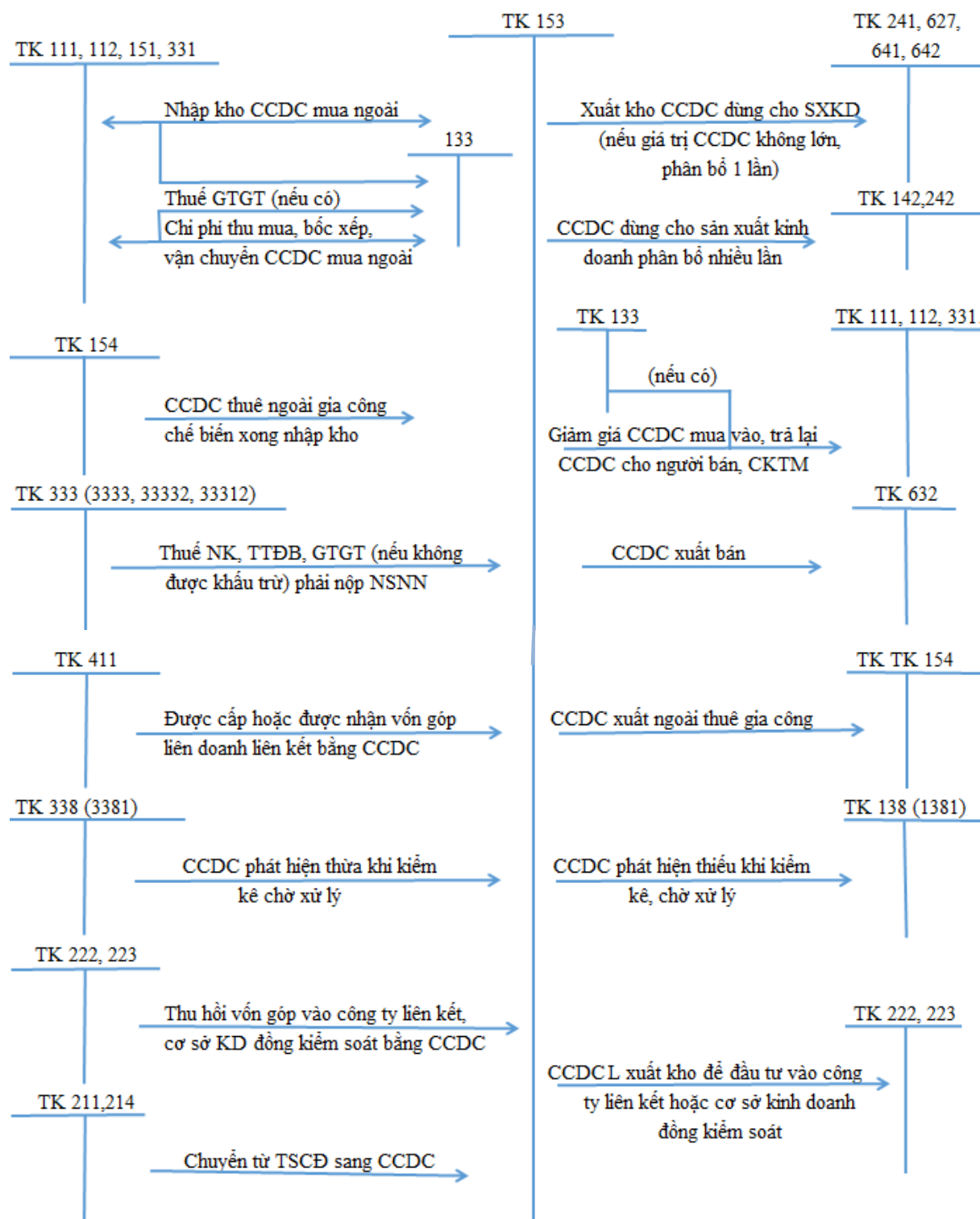
c) Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.4 và sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.4. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.5. Hạch toán tổng hợp công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên.



1.2.2.2. *Hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kiểm kê định kỳ*

a) Nội dung:

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.
- Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập công cụ dụng cụ, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên “Tài khoản mua hàng”.
- Việc xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ theo công thức sau :

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} \\
 \text{của NVL,} & = & \text{của NVL,} & + & \text{của NVL,} & - & \text{của NVL,} \\
 \text{CCDC xuất kho} & & \text{CCDC tồn kho} & & \text{CCDC nhập} & & \text{CCDC tồn kho} \\
 \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ}
 \end{array}$$

- Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hóa với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.
- Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hóa xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

b) Tài khoản sử dụng

- TK 152- Nguyên liệu, vật liệu.(Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên).
- TK 153- Công cụ, dụng cụ.(Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên).
- TK 151- Hàng mua đang đi đường (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên).
- TK 611- Mua hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

Kết cấu của tài khoản 611 :

Bên Nợ :

- Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ.

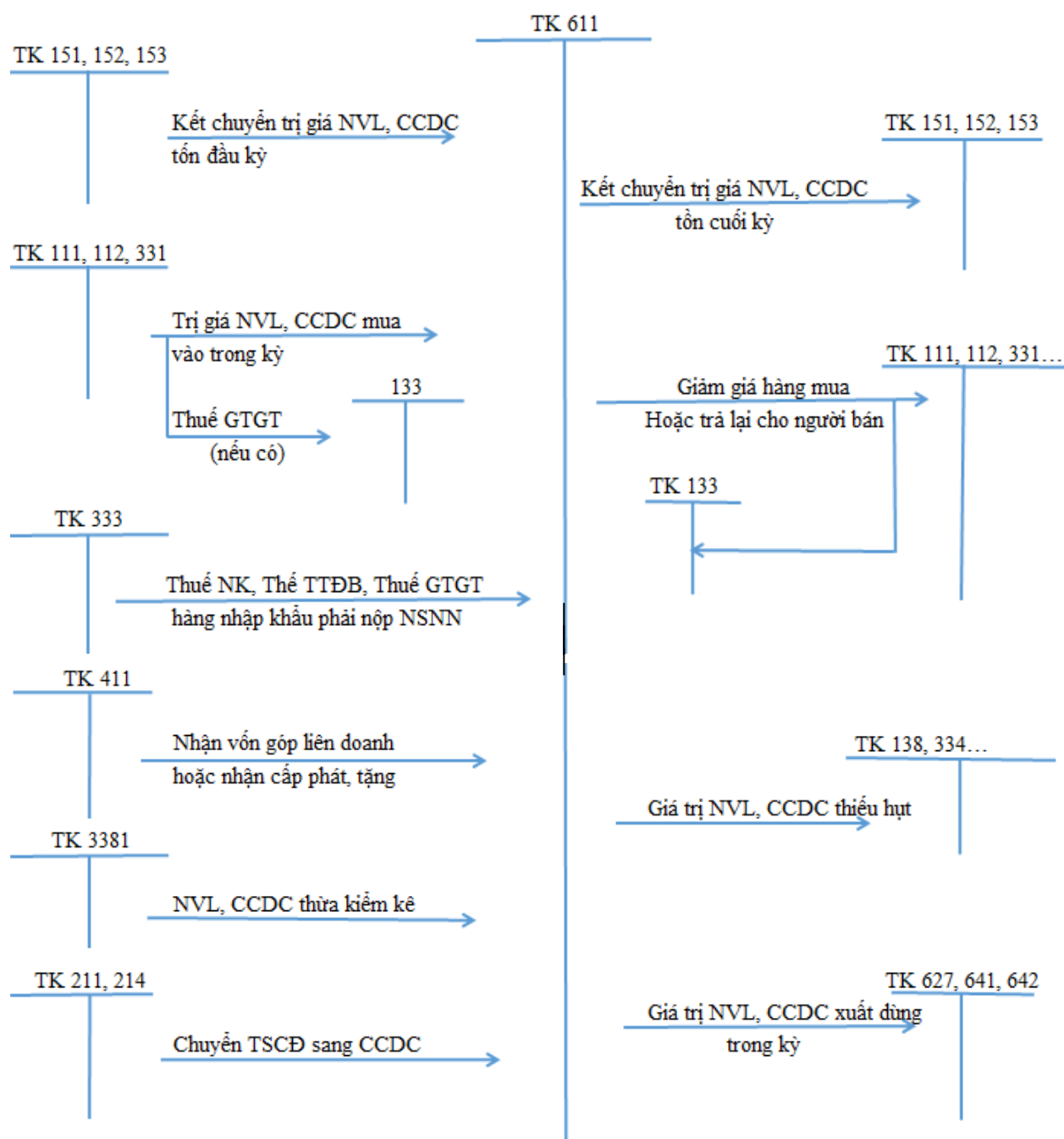
Bên Có :

- Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê).
- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng trong kỳ.
- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trả lại người bán hoặc được giảm giá.
- TK 611 không có số dư cuối kỳ.
- Ngoài ra, cũng giống như phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ cũng sử dụng các TK như : TK111, TK112, TK128, TK621, TK641, TK642,...

b) Phương pháp hạch toán

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1.6. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.2.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Theo thông tư 228/2009/TT-BTC dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm nay phần giá trị có khả năng bị giảm xuống thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là biện pháp đề phòng những thiệt hại có thể xảy đến trong tương lai gần do hàng tồn kho bị hư hỏng, lỗi thời, hàng bán bị trả lại..., đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của doanh nghiệp khi lập bảng cân đối kế toán cuối năm. Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên những bằng chứng đáng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện có ở thời điểm ước tính.

Đối với nguyên vật liệu dự trữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất sản phẩm thì không được đánh giá thấp hơn giá gốc nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn tổng chi phí sản xuất của sản phẩm. Khi có sự giảm giá của nguyên vật liệu mà tổng chi phí sản xuất sản phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì nguyên vật liệu tồn kho được đánh giá giảm xuống bằng giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Cuối năm kế toán tiếp theo phải thực hiện đánh giá mới về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho cuối năm đó. Trường hợp cuối kỳ kế toán năm nay, nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập thấp hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn phải được hoàn nhập để ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm và để đảm bảo cho giá trị hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tài chính là theo giá gốc (nếu giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cao hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối năm trước thì phải trích thêm cho đủ số cần phải có để đảm bảo cho giá trị hàng tồn kho phản ánh trên báo cáo tài chính là theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

***Tài khoản sử dụng:**

-TK 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”:

- *Bên nợ*: Khoản nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu số phải lập nhỏ hơn số đã lập của năm trước)

- *Bên có*: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải trích lập thêm (nếu số phải lập lớn hơn số đã lập năm trước)

- *Số dư bên có*: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm

***Phương pháp hạch toán**

1. Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán

Có TK 159 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho

2. Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn, ghi:

Nợ TK 632 – giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159 - dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK 159 – dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 – giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.3 Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp**1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung*****Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

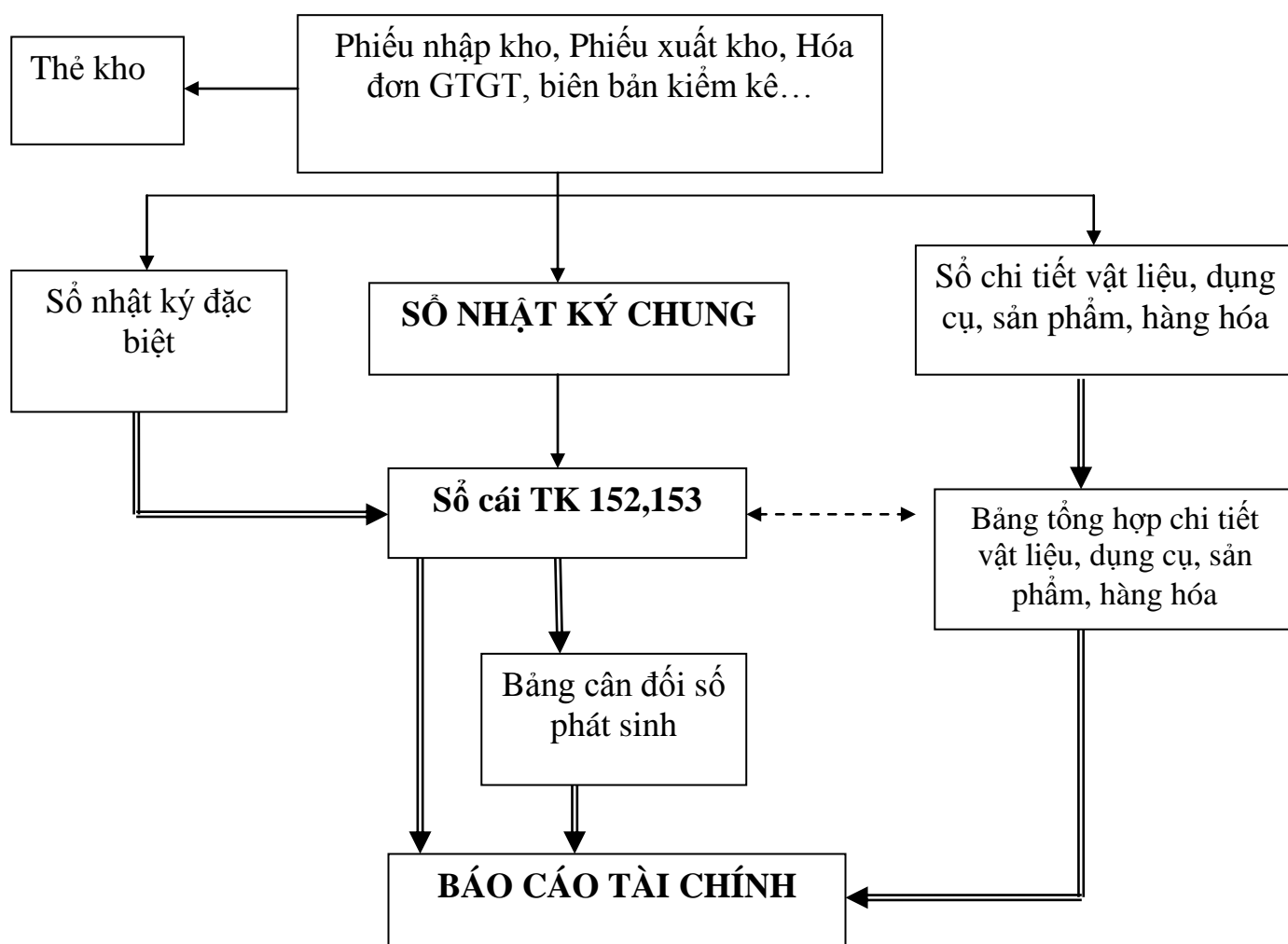
- ❖ *Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;*
- ❖ *Sổ Cái;*
- ❖ *Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.*

***Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.6. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý): ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <- - - ->

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

*** Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- ❖ Nhật ký - Sổ Cái;
- ❖ Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

*** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

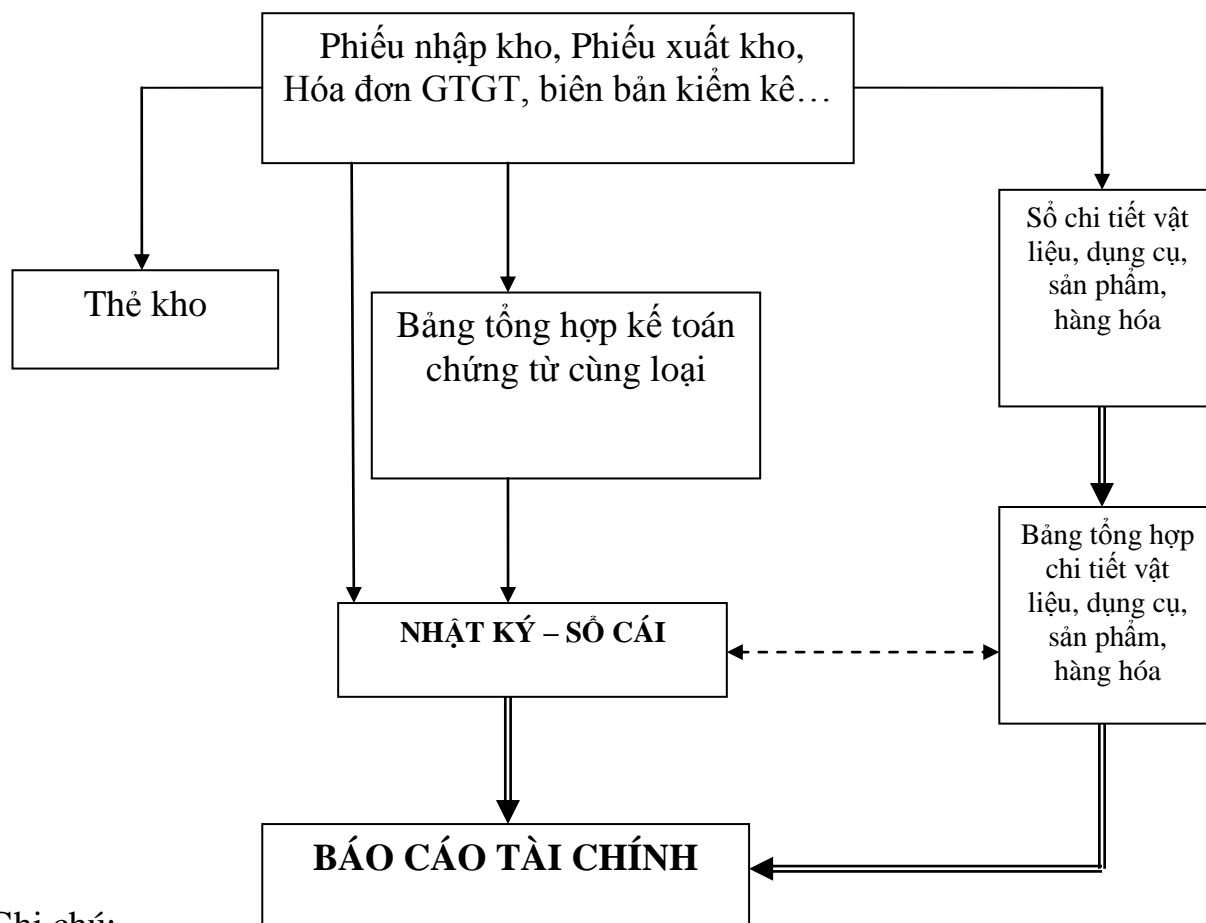
(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của cột} \\ \text{phát sinh} \text{ ở phần Nhật} \\ \text{ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh nợ} \\ \text{của tất cả các tài} \\ \text{khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh có} \\ \text{của tất cả các tài} \\ \text{khoản} \end{array}$$

$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.7. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =========>

Đối chiếu: <----->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

*** Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- ❖ Chứng từ ghi sổ;
- ❖ Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- ❖ Sổ Cái;
- ❖ Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

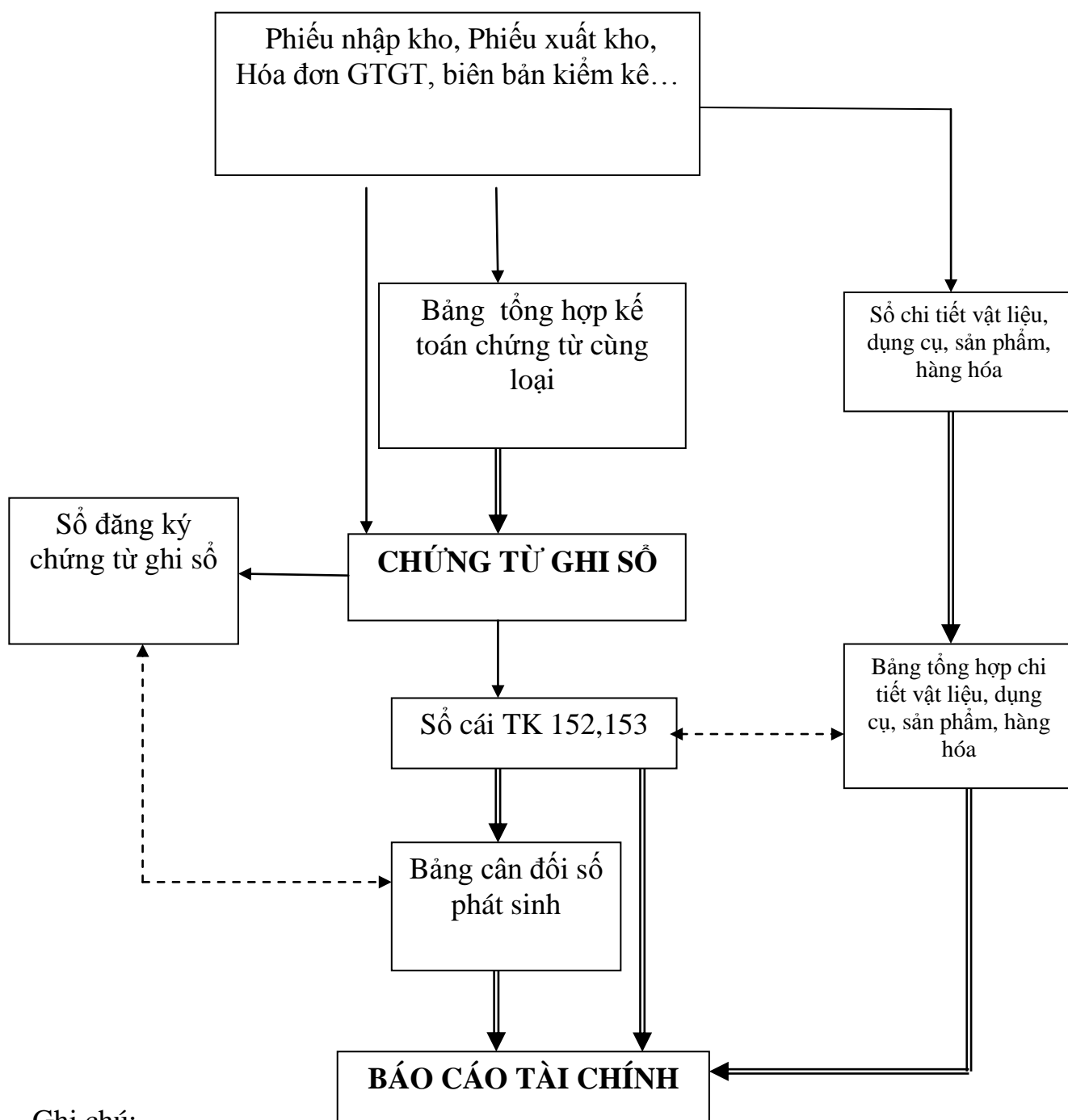
***Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <- - - - ->

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

* Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

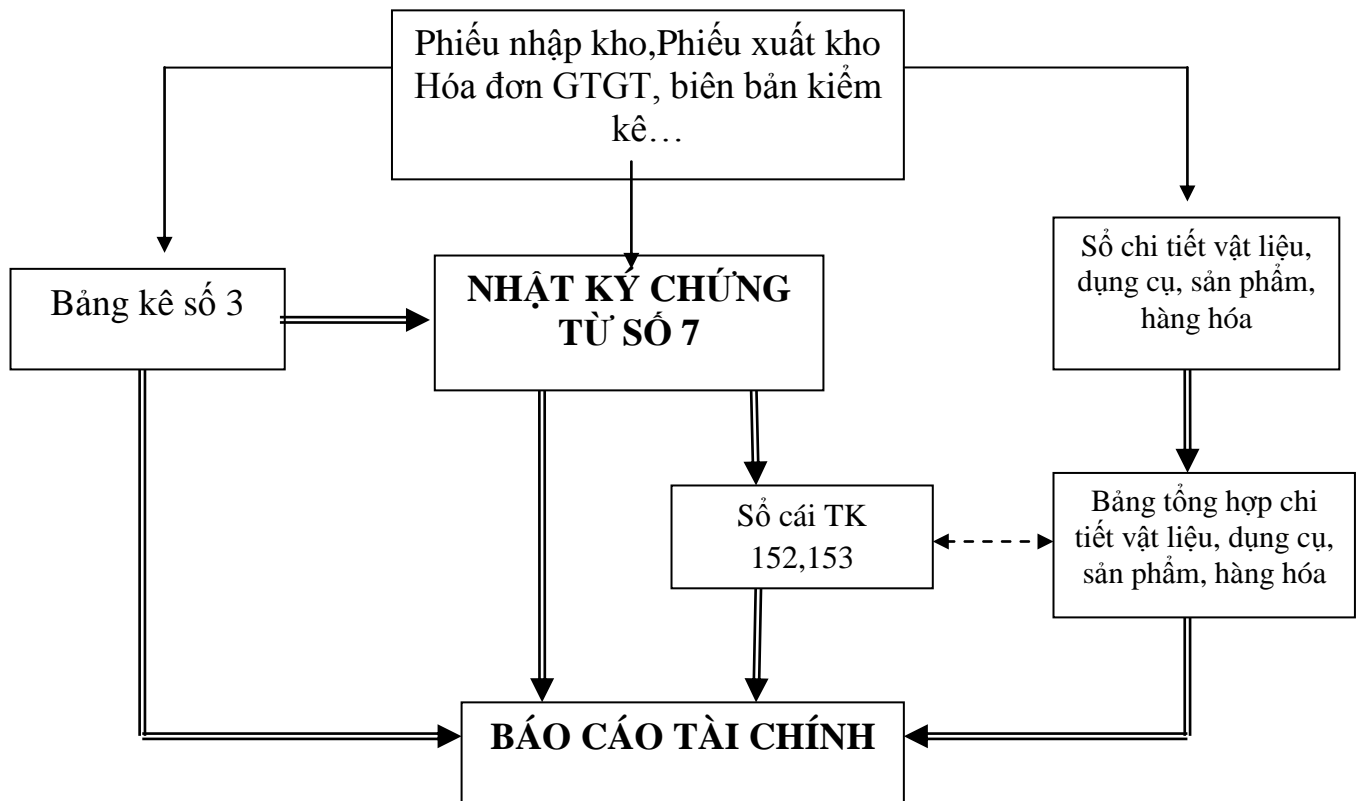
- ❖ . Nhật ký chứng từ;
- ❖ . Bảng kê;
- ❖ . Sổ Cái;
- ❖ . Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ

(1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan. Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

(2) Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

*** Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính**

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

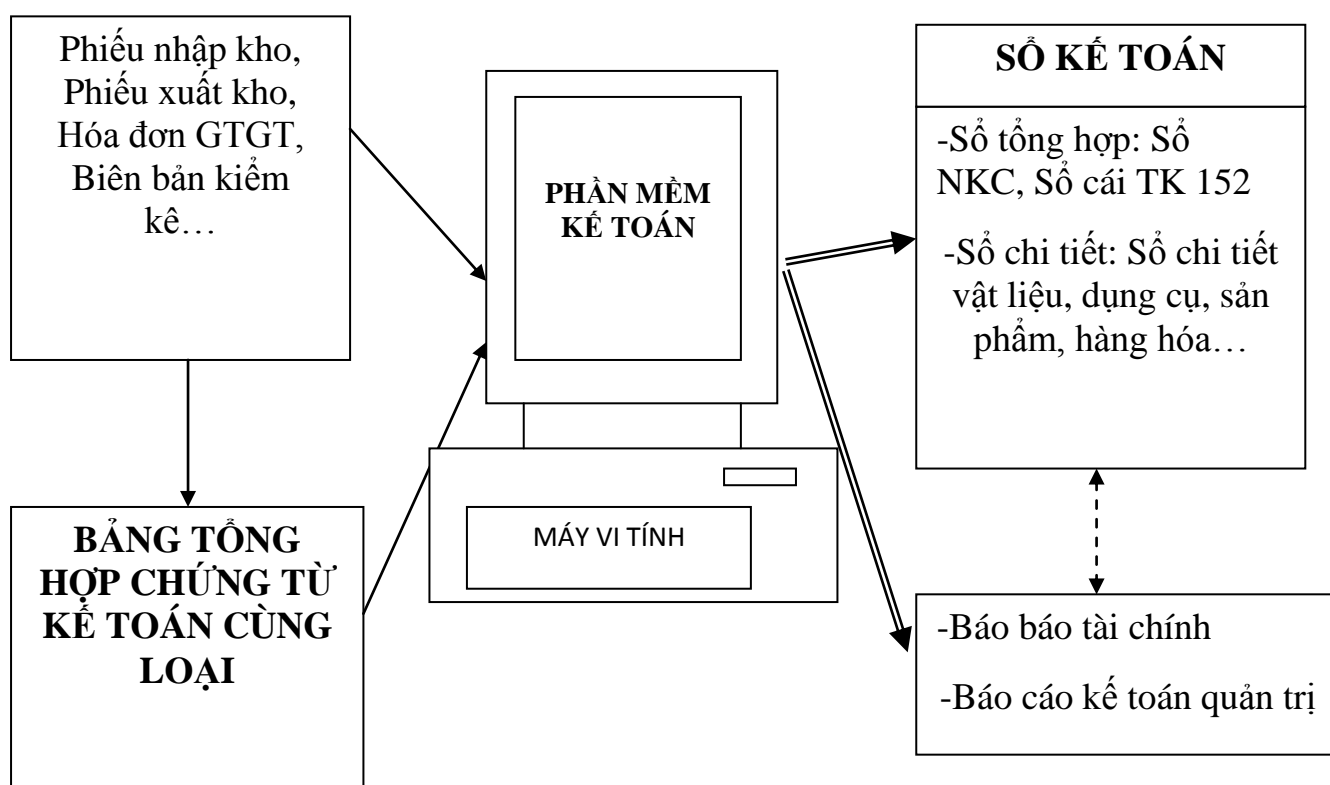
*** Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính**

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các

bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: —————>

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: =====>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->


CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KÊ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Sivico

- Tên công ty: Công ty Cổ phần SIVICO.
- Tên tiếng Anh: SIVICO JOINT STOCK COMPANY.
- Tên viết tắt : SJS ., CO.



- Biểu tượng công ty: 
- Trụ sở chính : Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – Hải Phòng.
- Điện thoại : (84-31) 3 742778
- FAX : (84-31) 3 742779
- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0200456505
- Do Sở Kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp ngày 28/03/2002 thay đổi lần thứ 4 ngày 28/03/2010.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất và kinh doanh vật liệu trải đường nhiệt dẻo phản quang, thiết bị an toàn giao thông, sơn tĩnh điện, điện cực chống ăn mòn.
 - Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu hóa chất (không độc hại).
 - Sản xuất, kinh doanh sản phẩm, vật tư nguyên liệu, thiết bị ngành bao bì và in ấn.
 - Dịch vụ xuất nhập khẩu.

2.1.1. Chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Sivico

- Sản phẩm của Công ty Cổ phần Sivico bao gồm hai nhóm chính, đó là: Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và Bao bì màng máng. Công ty tự hào là Doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam sản xuất Sơn giao thông hệ nhiệt dẻo. Trên thị trường trong nước, các sản phẩm của công ty đã chiếm được lòng tin của khách hàng, đặc biệt là các doanh nghiệp liên quan tới ngành giao

thông,...chất lượng sản phẩm đảm bảo, giá cả hợp lý do đó Công ty đã giành được 60% thị phần Sơn giao thông trong cả Nước.

- Đối với sản phẩm bao bì màng mỏng: Nhận thấy tiềm năng to lớn của thị trường ngành nhựa và đặc biệt là bao bì phức hợp tại Việt Nam, Công ty Cổ phần Sivico quyết định đầu tư xây dựng một nhà máy sản xuất bao bì nhựa với những thiết bị hiện đại nhất được lắp đặt tại Việt Nam. Công ty có thể cung cấp bao bì mềm phức hợp với chất lượng cao cho các ngành hàng như: Thực phẩm, Dược phẩm, Nông dược, Hoá mỹ phẩm và rất nhiều ngành hàng khác ... Bao bì được sản xuất dựa trên các loại màng mỏng chất lượng cao kết hợp in bằng mực bám dính tốt, màu sắc đẹp, bền màu theo thời gian đảm bảo tính thẩm mỹ. Sản phẩm có độ dai, độ bền mối dán, chịu va đập, chịu khối lượng lớn, kháng nước, chống ăn mòn thích hợp cho máy đóng tự động tốc độ cao. Sản phẩm đã được sử dụng cho các nhãn hiệu bột giặt và hoá mỹ phẩm lớn tại Việt Nam như: Vì Dân, VF, Sunnew, Hoa mơ, Mio, ...
- Đối với sản phẩm Sơn nhiệt dẻo phản quang: Sơn giao thông phản quang là loại sơn đặc chủng có khả năng phát sáng khi có nguồn sáng chiếu vào, được thi công trên nền đường, có tác dụng phân luồng, cảnh báo, chỉ dẫn đảm bảo an toàn giao thông. Từ năm 2008 đến nay, đã có một vài hãng sơn nghiên cứu sản xuất thử loại sơn giao thông phản quang hệ nước mới nhưng chưa thành công. Từ năm 2011, Công ty CP SIVICO đã đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và được ngân sách KH&CN thành phố hỗ trợ triển khai nghiên cứu sản phẩm sơn giao thông thế hệ mới. . Loại sơn này đã được sử dụng cho nhiều công trình giao thông trên cả nước, được khách hàng đánh giá cao những tính chất nổi bật như sơn khô nhanh (dưới 10 phút), độ dày màng sơn đảm bảo độ bền mài mòn, chịu thời tiết tốt, bám dính và phản quang tốt, thân thiện môi trường. Sản phẩm có khả năng ứng dụng cho tất cả các công trình xây dựng giao thông với yêu cầu tiêu chuẩn cao như đường cao tốc, sân bay...

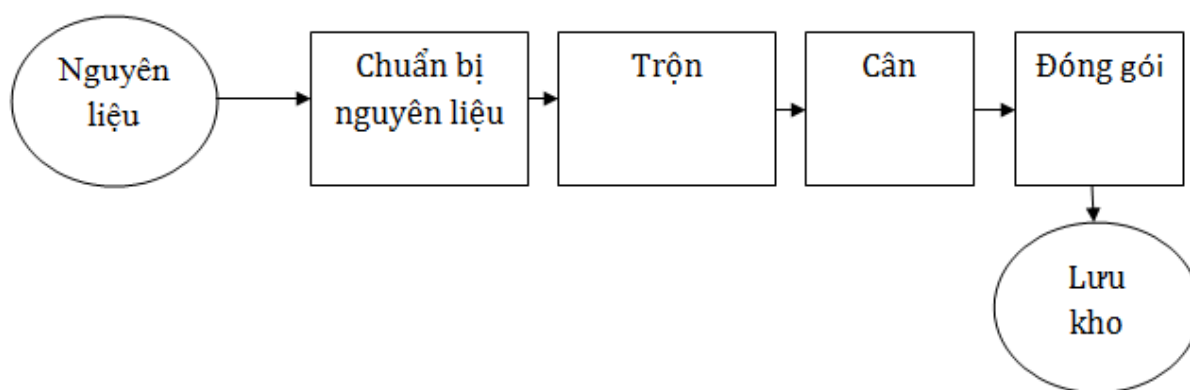
2.1.2. Thành tích đạt được trong những năm qua

Sau đây là một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản trong 3 năm gần đây của Công ty Cổ phần Sivico.

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1.Doanh thu	81.316.031.923	103.749.031.398	124.177.784.067
2.Lợi nhuận sau thuế	3.827.199.966	5.140.697.058	16.941.072.968
3.Vốn chủ sở hữu	22.698.938.141	24.533.387.249	34.360.856.014
4.Tổng tài sản	40.591.122.040	52.915.836.460	52.861.120.727

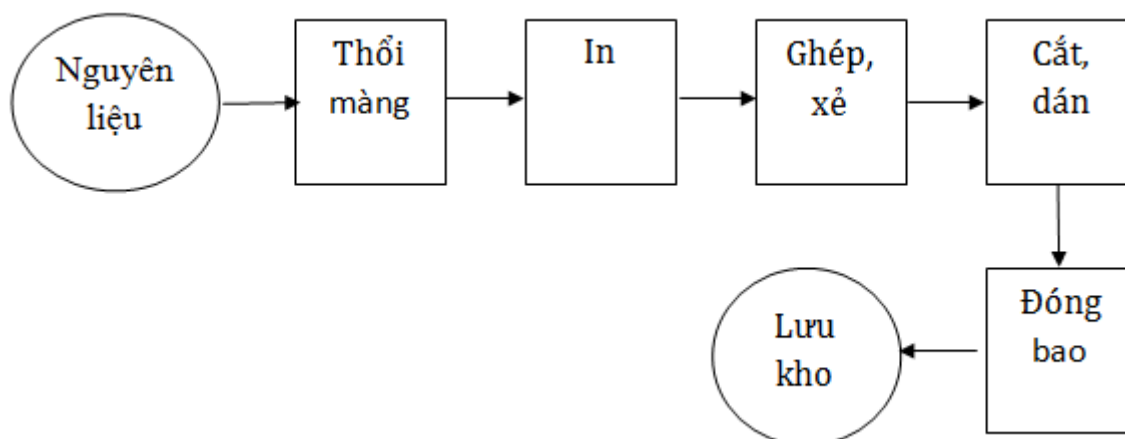
2.1.3. Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Sivico

Sơ đồ 2.1 Quy trình sản xuất Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang.



- Nguyên liệu trong sản xuất Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang gồm có chế tạo màng, chất độn, bi thủy tinh và các phụ gia.
- Chuẩn bị nguyên liệu: Công nhân sản xuất sẽ nhận nguyên liệu từ thủ kho và chuẩn bị theo đúng định mức sản xuất.
- Trộn: Nguyên liệu được trộn đều trong máy trộn thành hỗn hợp đồng nhất.
- Cân và đóng bao: Sau khi trộn đều, bán thành phẩm được cân và đóng bao đồng thời bằng cân tự động. Đóng bao đúng chủng loại, định lượng 25kg/bao.
- Lưu kho: Lưu kho đúng vị trí quy định, 2 tấn/pallet

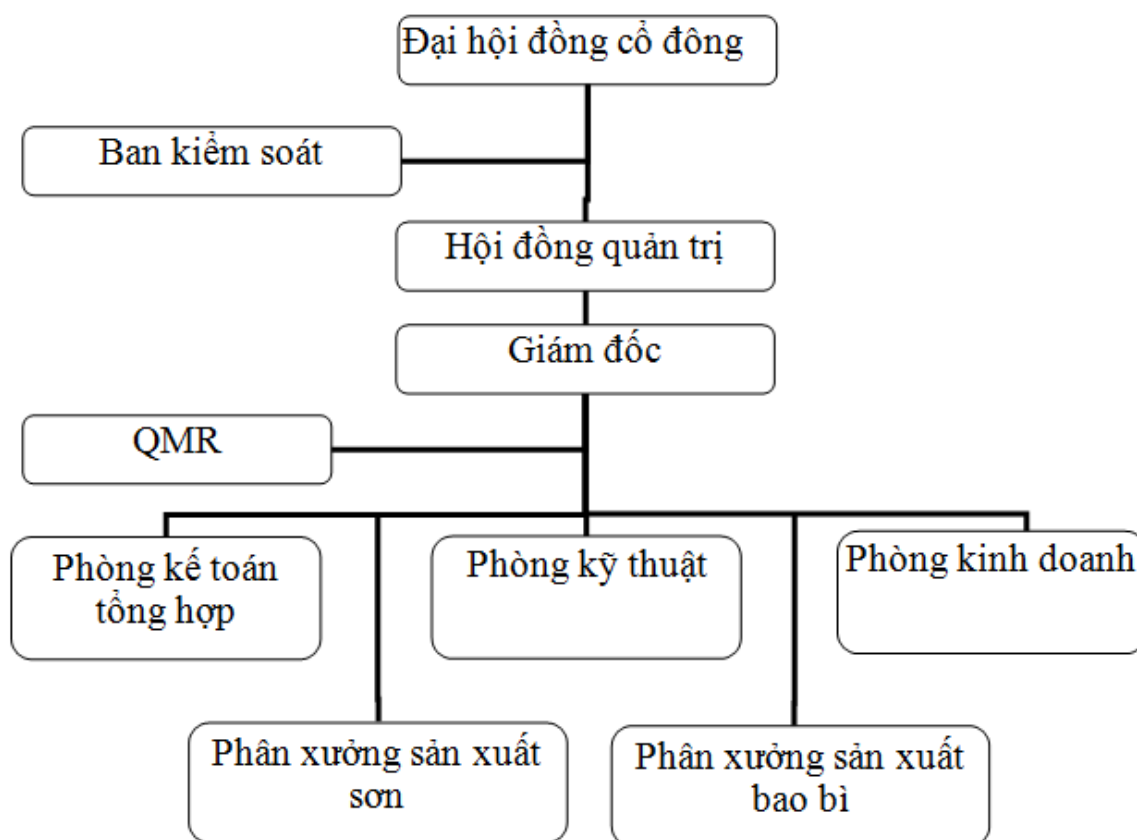
Sơ đồ 2.2. Quy trình sản xuất Bao bì màng máng



- Nguyên liệu: Bao gồm hạt nhựa và các phụ gia.
- Thổi màng: Cho nguyên liệu vào máy trộn đều, đặt nhiệt để thổi thành các cuộn màng.
- In: Dùng mực in màu lên các cuộn màng.
- Ghép, xẻ : Dùng keo và dùng môi ghép một lần màng nữa vào các cuộn đã in màu.
- Cắt dán và đóng bao: Tùy vào yêu cầu khách hàng cắt cuộn ghép thành các túi nhỏ.
- Lưu kho: Lưu kho đúng vị trí.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Sivico

Sơ đồ 2.3. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty Cổ phần Sivico



Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất. Công ty hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bổ sung, bãi miễn thành viên đại hội đồng quản trị và ban kiểm soát.
- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản trị cao nhất ở công ty, có trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc và các bộ phận quản lý thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng quản trị.
- **Ban kiểm soát:** là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị điều hành của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban giám đốc công ty.
- **Giám đốc:** do Hội đồng quản trị bầu ra thông qua Đại hội đồng cổ đông. Chịu trách nhiệm điều hành quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh

hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng mà Đại hội đồng, Hội đồng quản trị đã thông qua.

➤ **QMR (Quality Management Representative)**: là người hiểu rõ về mục tiêu chiến lược, định hướng khách hàng, đảm bảo chất lượng, các nguyên tắc chất lượng và các hoạt động của Công ty, biết sử dụng nhân lực nhằm đóng góp những ý tưởng cải tiến, sáng tạo cập nhật những kiến thức để đem lại lợi ích cho tổ chức. QMR đóng vai trò rất quan trọng trong Công ty.

➤ **Phòng kỹ thuật:**

- Lập các quy trình, hướng dẫn công nghệ, các công thức, định mức sản xuất, các đặc tính kỹ thuật, xây dựng các phương pháp thử cho nguyên liệu sản phẩm.
- Theo dõi công tác sang kiến cải tiến hợp lý hóa sản xuất. Triển khai nghiên cứu chế thử sản phẩm mới. Báo cáo kết quả thử nghiệm trình lãnh đạo phê duyệt.
- Phụ trách công tác quản lý theo dõi phòng thử nghiệm, thiết bị thử nghiệm, thiết bị sản xuất và công tác an toàn trong công ty.
- Tham gia cùng các phòng chức năng lập các luận chứng kinh tế, kỹ thuật và đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị phục vụ sản xuất.

➤ **Phòng kế toán- Tổng hợp**

- Tham mưu với Giám đốc trong công tác quản lý tài chính và tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác hạch toán kế toán của Công ty.
- Lập kế hoạch tài chính giúp Giám đốc định hướng đưa ra các phương án SXKD của Công ty.
- Tổ chức công tác tài chính kế toán của Công ty theo quy định của Nhà nước.
- Kiểm duyệt toàn bộ các chứng từ ban đầu và báo cáo của Công ty trước khi trình Giám đốc.
- Theo dõi, tổng hợp các khoản thu chi lớn như: Doanh thu, chi phí, tổng công nợ, các khoản nộp ngân sách.
- Tổ chức thực hiện, quản lý nghiệp vụ hành chính, lao động tiền lương.

- Tổ chức công tác bảo vệ an ninh và tài sản của Công ty, có phối hợp với các ban ngành liên quan.
- Kế toán tổng hợp lập báo cáo tài chính vào cuối tháng mỗi quý, cuối năm. Đánh giá chung được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

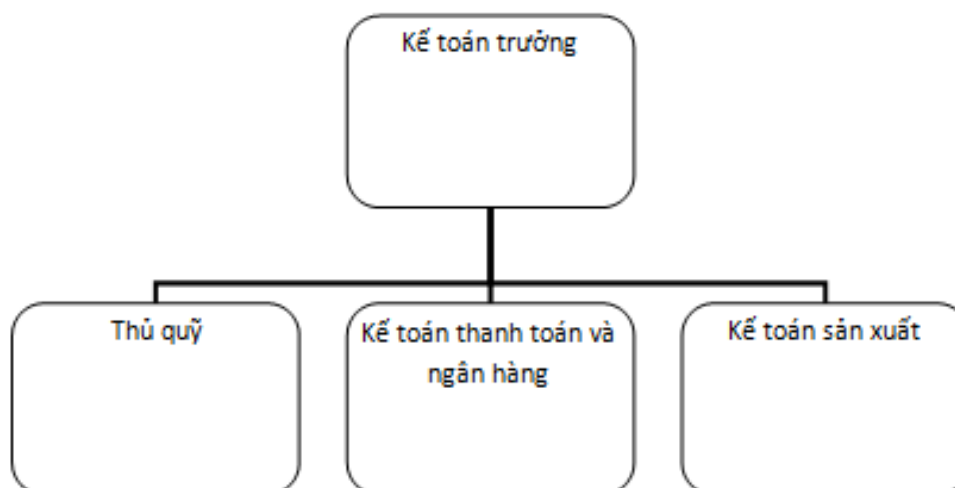
➤ **Phòng kinh doanh**

- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch cung cấp, tiêu thụ sản phẩm. Nắm bắt nhu cầu thị trường, tham mưu cho Giám đốc về chiến lược phát triển, mở rộng thị trường.
- Tiếp nhận nhu cầu và ý kiến phản ánh của khách hàng, kết hợp với các phòng ban liên quan để đánh giá đồng thời báo cáo đề xuất với lãnh đạo đưa ra cách giải quyết hợp lý nhằm thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- Lập các hợp đồng kinh tế trình giám đốc phê duyệt.
- Tiếp nhận tư vấn cho khách hàng các vấn đề liên quan đến sử dụng sản phẩm. Định kỳ lấy ý kiến khách hàng về sản phẩm và dịch vụ.
- Kết hợp với các phòng ban tham mưu cho Giám đốc xây dựng giá thành sản phẩm.
- Kết hợp với phòng Kế toán Tổng hợp, đánh giá khả năng, năng lực thanh toán của khách hàng, theo dõi đơn đốc thu hồi công nợ.
- Tổ chức các cuộc hội thảo, hội chợ, quảng cáo tiếp thị sản phẩm, đề xuất và thực hiện áp dụng các hình thức tiếp thị tiên tiến.

➤ **Phân xưởng**

- Thực hiện việc sản xuất theo Lệnh sản xuất, định mức sản xuất, kiểm soát quá trình sản xuất để đảm bảo sản phẩm đạt yêu cầu quy định và tiết kiệm tiêu hao.
- Phối hợp với các phòng ban tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất. Quản lý và sử dụng lao động lao động hợp lý, đảm bảo hoàn thành tốt kế hoạch được giao kể cả đột xuất. Quản lý và sử dụng tốt tài sản, bảo đảm an toàn về con người và máy móc thiết bị.
- Phát hiện đề xuất và thực hiện các sản phẩm không phù hợp khi đã có kết luận, tham gia các hành động khắc phục, phòng ngừa, cải tiến.

Sơ đồ 2.4. Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Sivico



Nhiệm vụ của từng người trong phòng kế toán như sau:

Trong phòng kế toán dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, các kế toán làm phân việc cụ thể đã được giao trực tiếp đồng thời hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành công việc.

- Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổng hợp tất cả các phần hành kế toán của các kế toán viên, đồng thời chịu trách nhiệm trực tiếp phần hành kế toán tổng hợp chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính kế toán.
- Kế toán thanh toán và ngân hàng: là người lập các chứng từ thu chi cho các khoản thanh toán của công ty đối với khách hàng và các khoản thanh toán nội bộ. Phản ánh vào các sổ sách liên quan đến phần hành kế toán hàng ngày và đối chiếu với sổ quỹ. Kiểm tra tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng của công ty hàng ngày và cuối tháng. Theo dõi các khoản tạm ứng, tiếp nhận các chứng từ thanh toán kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ.
- Kế toán sản xuất: Tập hợp và phân bổ chính xác kịp thời các loại chi phí sản xuất theo đối tượng giá thành, trên cơ sở đó kiểm tra tình hình thực hiện các định mức và dự toán chi phí sản xuất. Phải tính toán chính xác giá thành sản xuất sản phẩm, dịch vụ hoàn thành.

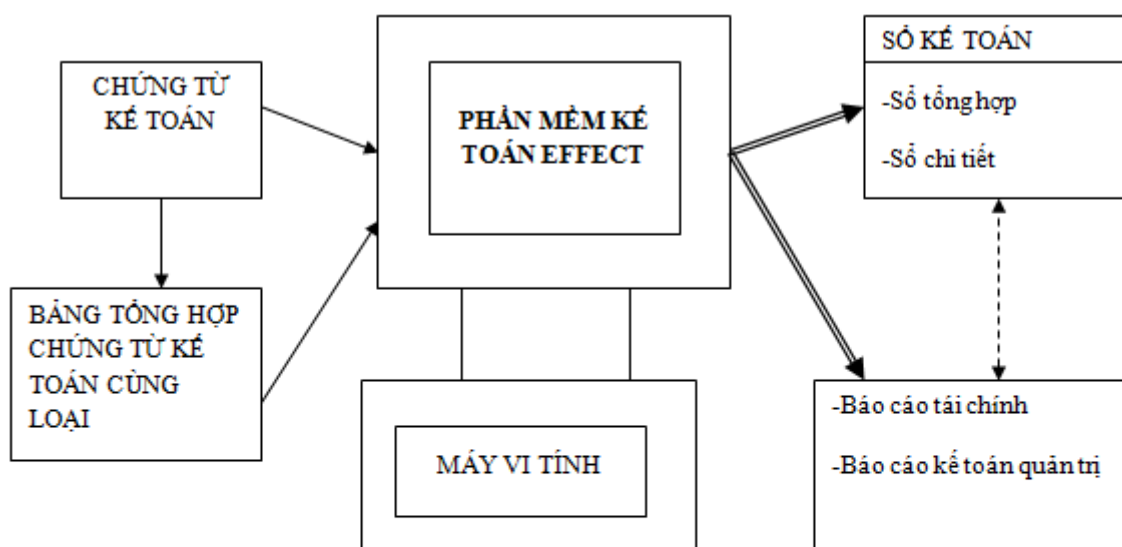
2.1.5. Hình thức kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Sivico

- Hình thức ghi sổ kế toán của công ty là hình thức Kế toán máy. Hiện nay, công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Effect để hạch toán.
- Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

(1) Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc phát sinh thực tế dùng để làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập số liệu vào máy tính theo trình tự được lập sẵn trên máy. Các số liệu được xử lý thông qua phần mềm đã được cài sẵn trên máy sẽ tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ nhật ký chung, Sổ cái,...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

(2) Khi đến cuối tháng, cuối kỳ kế toán, kế toán thực hiện các bước khóa sổ và lập báo cáo tài chính tự máy sẽ tổng hợp lên các báo cáo. Số liệu tại các sổ tổng hợp, chi tiết hay trên các báo cáo đều đảm bảo chính sách, trung thực theo thông tin đã nhập vào.

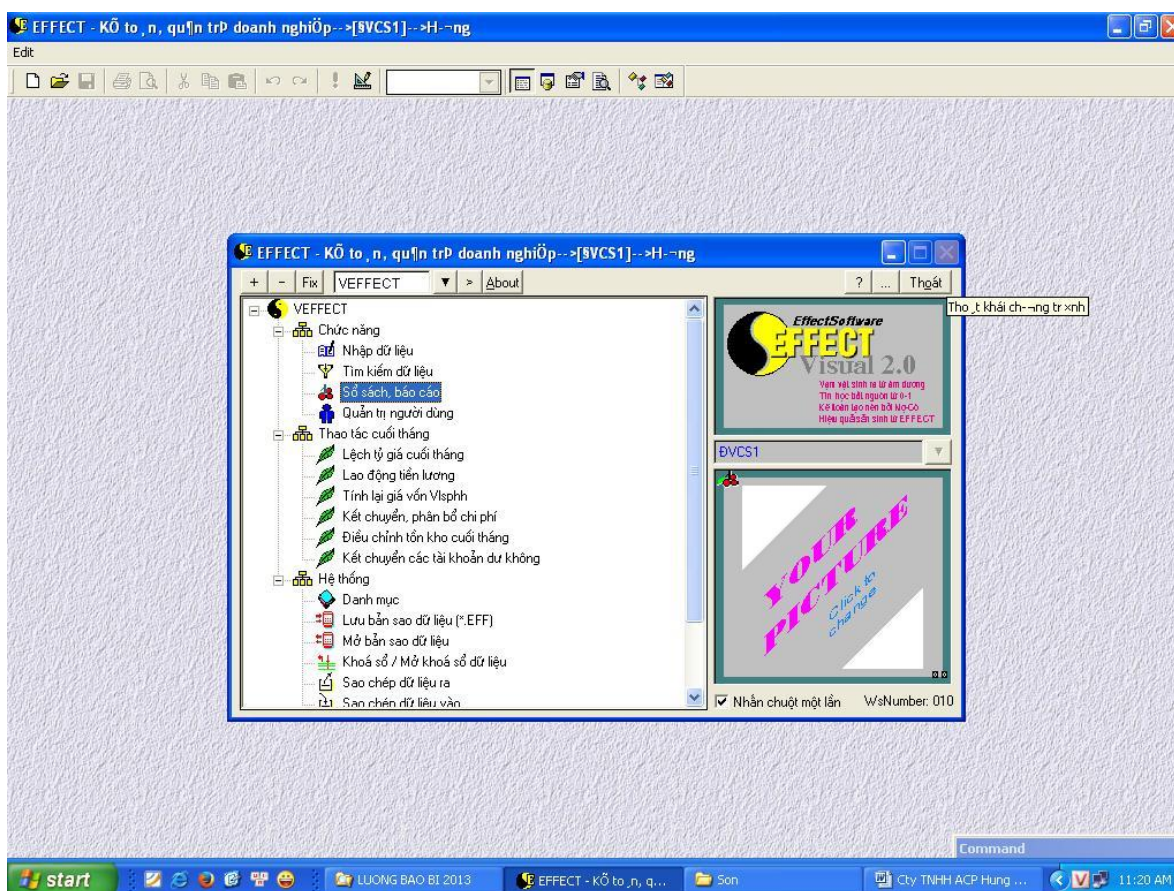
Sơ đồ 2.5 Hình thức ghi sổ kế toán máy của Công ty Cổ phần Sivico



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- > Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Giao diện phần mềm kế toán Effect được sử dụng tại Công ty Cổ phần Sivico.



2.1.6. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Sivico

Công ty Cổ phần Sivico tổ chức thực hiện và vận dụng thống nhất hệ thống tài khoản và Sổ kế toán theo Quyết định số 15/2006 ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính.

- Hệ thống tài khoản: Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo Quyết định số 15/2006 ngày 20/3/2006 do Bộ tài chính ban hành.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc.
- Phương pháp tính trị giá hàng xuất kho: Tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Khấu hao theo đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: Theo phương pháp khấu trừ.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Sivico

2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Sivico

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên việc sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản xuất sản phẩm và thực hiện kế hoạch sản xuất. Tại Công ty cổ phần Sivico, nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu chính: hạt nhựa, dung môi, dung môi methyl, màng ghép đục, màng quyết trong, màng OPP, bột nhũ, hạt suncal, titan, bi in, bột vàng, bột thô, bột mịn,...
- Nguyên vật liệu phụ: túi bọc cuộn, bìa catton, băng dính trong, ống lõi giấy, dao gạt mực, túi sơn vàng, túi sơn xanh, vỏ tem sơn, màng nilong bọc pallet,...
- Nhiên liệu: điện năng, dầu.

2.2.1.2. Phân loại công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico

Tại Công ty cổ phần Sivico, nguyên vật liệu được chia thành:

- Dụng cụ chuyên dùng cho sản xuất: trục in, máy đột lỗ túi, trục vót keo.
- Quần áo bảo hộ lao động.

2.2.2. Công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nhận thấy tầm quan trọng của NVL, CCDC đối với quá trình sản xuất kinh doanh nên Công ty rất chú trọng đến công tác bảo quản và cất trữ NVL, CCDC. Tại các kho của Công ty luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ NVL, CCDC và các thủ tục xuất – nhập cũng được quản lý chặt chẽ và liên hoàn.

Với nguyên vật liệu Công ty chú trọng tới bảo quản tránh mưa ướt, bảo quản nơi khô mát tránh làm mốc nguyên vật liệu. Công ty đã cho xây dựng hệ thống nhà kho và có thủ kho riêng. Thủ kho của từng kho này sẽ có trách nhiệm bảo quản và quản lý việc nhập xuất vật liệu của kho phụ thuộc về yêu cầu của sản xuất, đồng thời cũng chịu sự quản lý trực tiếp của phòng quản lý vật liệu của Công ty.

Với công cụ dụng cụ cũng tương tự như nguyên vật liệu. Do đặc thù là những vật nhỏ dễ hao xỉ mất mát nên thủ kho phải theo dõi chi tiết và bảo quản cẩn thận.

2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

2.2.3.1. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho của công ty chủ yếu là do mua ngoài. Giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài nhập kho được xác định theo công thức sau:

Trị giá thực

$$\text{Giá thực tế NVL, CCDC nhập kho} = \text{Giá mua theo hóa đơn} + \text{Thuế nhập khẩu (nếu có)} + \text{Chi phí thu mua} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

Chi phí thu mua trực tiếp bao gồm các chi phí trong quá trình thu mua vật liệu, công cụ dụng cụ: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, chi phí kiểm nhận nhập kho...

Tùy vào từng hợp đồng kinh tế đã ký kết với nhà cung cấp mà các loại chi phí thu mua có thể được cộng hoặc không được cộng vào giá thực tế của NVL, CCDC nhập kho. Nếu chi phí vận chuyển do bên bán chịu thì trị giá thực tế NVL, CCDC mua ngoài nhập kho không bao gồm chi phí vận chuyển.

2.2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho

Tại Công ty Cổ phần Sivico nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

2.2.4.1. Thủ tục nhập kho

Trước hết tại đơn vị (phân xưởng sản xuất, phòng ban) lập tờ trình mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Phòng vật tư trình lên giám đốc ký duyệt. Khi được giám đốc ký duyệt thì phòng vật tư xin phiếu báo giá ở một bạn hàng (người bán) và trình lên giám đốc duyệt giá. Sau khi giám đốc duyệt mức giá phù hợp, phòng vật tư sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm về việc ký hợp đồng mua bán.

Người đi nhận hàng mang HĐGTGT của bên bán vật tư về công ty để xem xét kiểm tra.

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sau khi mua về được tiến hành kiểm nghiệm chất lượng và lập biên bản kiểm nghiệm với mục đích xác định số lượng, chất lượng trước khi nhập kho làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản. Biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu được lập thành 2 bản giao cho phòng vật tư và phòng kế toán giữ. Nếu nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ không đúng yêu cầu thì lập thêm 1 liên kèm theo chứng từ có liên quan gửi đến nơi bán để giải quyết.

Sau khi tiến hành kiểm nghiệm vật tư, thủ kho xem xét cụ thể số lượng, chủng loại, chất lượng của vật tư ghi trên hóa đơn với số lượng mang về, đối chiếu giữa hóa đơn và biên bản kiểm nghiệm. Nếu trùng khớp thì phòng vật tư lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được viết tay và được lập thành 3 liên:

+ Liên 1: Lưu tại cuốn


+ Liên 2: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho

+ Liên 3: Giao cho phòng kế toán để nhập vào phần mềm.

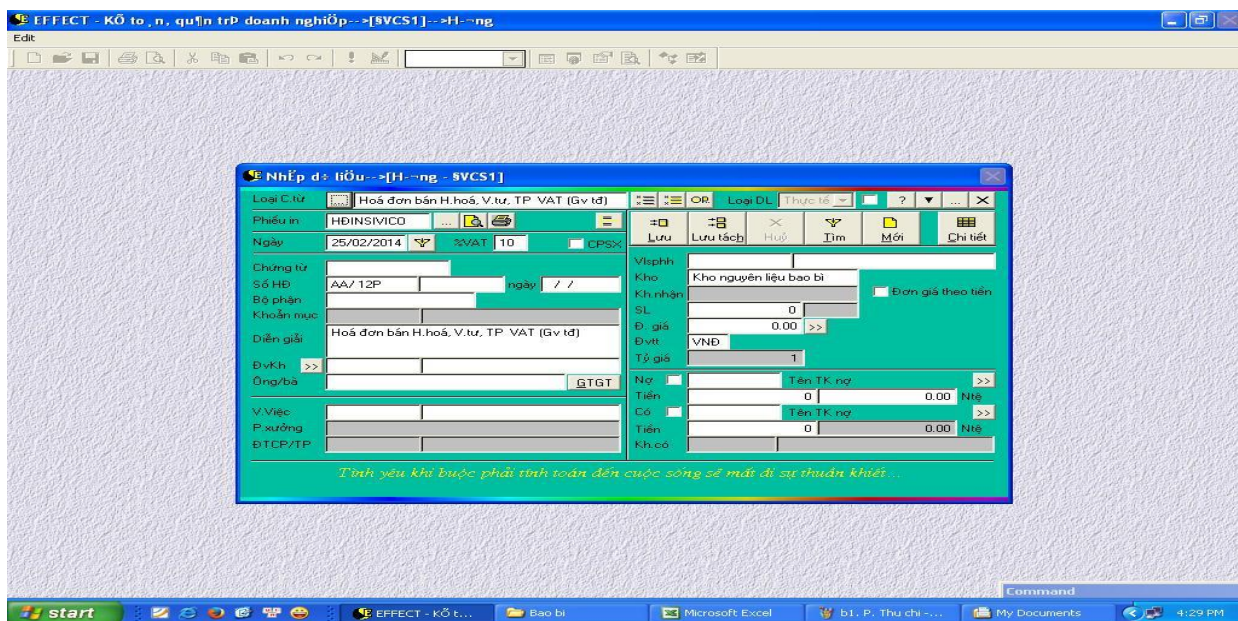
Khi nhập kho thủ kho phải ký vào phiếu nhập để vào thẻ kho. Trên phiếu nhập kho thể hiện cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị nhưng khi vào thẻ kho thủ kho chỉ ghi chỉ tiêu số lượng.

Quy trình hạch toán trên phần mềm:

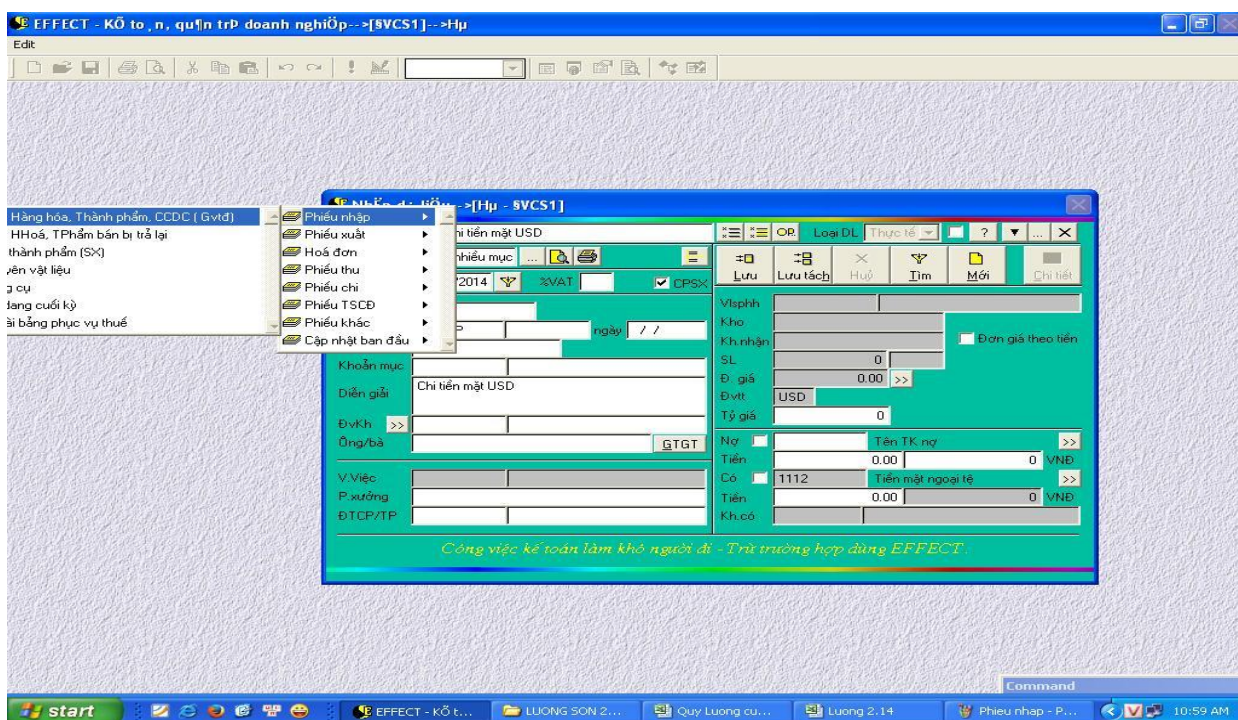
Căn cứ vào phiếu nhập kho viết tay, kế toán nhập số liệu trên phiếu nhập kho vào phần mềm kế toán Effect, giao diện hệ thống phần mềm hiện lên, Kế toán chọn “Nhập dữ liệu”. Tại màn hình của hệ thống (Hình 2.1) kế toán làm theo trình tự sau:

Đối với Phiếu nhập: kế toán nhấn chuột vào biểu tượng  để chọn loại chứng từ “Phiếu nhập” tiếp tục chọn "Hàng hóa, thành phẩm, CCDC (gvtđ)" (Hình 2.2). Tiếp theo kế toán nhập thông tin vào các mục: ngày tháng; người bán; diễn giải; số tiền; chứng từ; số hóa đơn; thuế VAT; loại vật liệu hàng hóa, số lượng, đơn giá. Sau đó chọn "Lưu".

Hình 2.1



Hình 2.2



2.2.4.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico được xuất kho chủ yếu nhằm mục đích sản xuất. Công ty áp dụng phương pháp xuất kho NVL, CCDC là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

Đối với công cụ dụng cụ xuất kho ở Công ty xảy ra 2 trường hợp:

Phân bổ 1 lần: Theo phương pháp này khi xuất dùng CCDC, kế toán phân bổ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ xuất dùng. Phương pháp này

chỉ nên áp dụng trong trường hợp giá trị CCDC nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn.

Phân bổ nhiều lần: Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị CCDC và thời gian sử dụng hoặc số lần dự kiến để tính ra mức phân bổ cho một kỳ hoặc một lần sử dụng. Căn cứ vào mức phân bổ này, định kỳ kế toán phân bổ giá trị của CCDC vào chi phí sản xuất kinh doanh.

$$\text{Mức phân bổ CCDC trong 1 kỳ hoặc 1 lần} = \frac{\text{Giá trị của CCDC xuất dùng}}{\text{Số kỳ hoặc số lần sử dụng}}$$



Tại Công ty cổ phần Sivico, Phiếu xuất kho được viết tay tại Phòng vật tư và được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu tại cuốn
- + Liên 2: Giao cho thủ kho để vào thẻ kho
- + Liên 3: Giao cho phòng kế toán để nhập vào phần mềm.

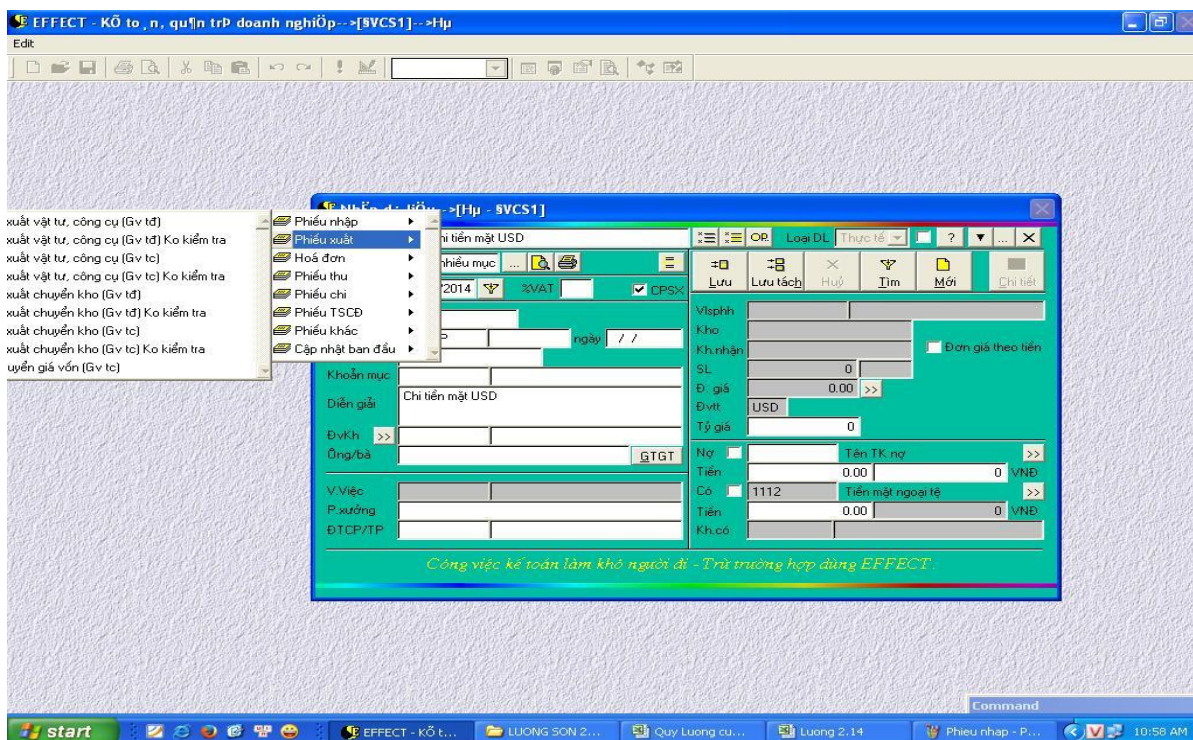
Trên Phiếu xuất kho viết tay chỉ ghi Số lượng xuất còn Đơn giá và Thành tiền sẽ được phần mềm tự động tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ khi kế toán nhập số liệu vào phần mềm.

Quy trình hạch toán trên phần mềm:

Căn cứ vào phiếu xuất kho viết tay, kế toán nhập số liệu trên phiếu xuất kho vào phần mềm kế toán Effect, giao diện hệ thống phần mềm hiện lên, Kế toán chọn “Nhập dữ liệu”. Tại màn hình của hệ thống (Hình 2.1) kế toán làm theo trình tự sau:

Đối với phiếu xuất: kế toán nhấn chuột vào biểu tượng  để chọn loại chứng từ “Hóa đơn” tiếp tục chọn "Hóa đơn GTGT". Tiếp theo kế toán nhập thông tin vào các mục: ngày tháng; đơn vị khách hàng; diễn giải; số tiền; thuế VAT; loại vật liệu hàng hóa, số lượng, đơn giá, chứng từ, hóa đơn, loại vật liệu hàng hóa, số lượng, đơn giá. Sau đó chọn biểu tượng  để in và chọn “lưu”.(Hình 2.3)

Hình 2.3



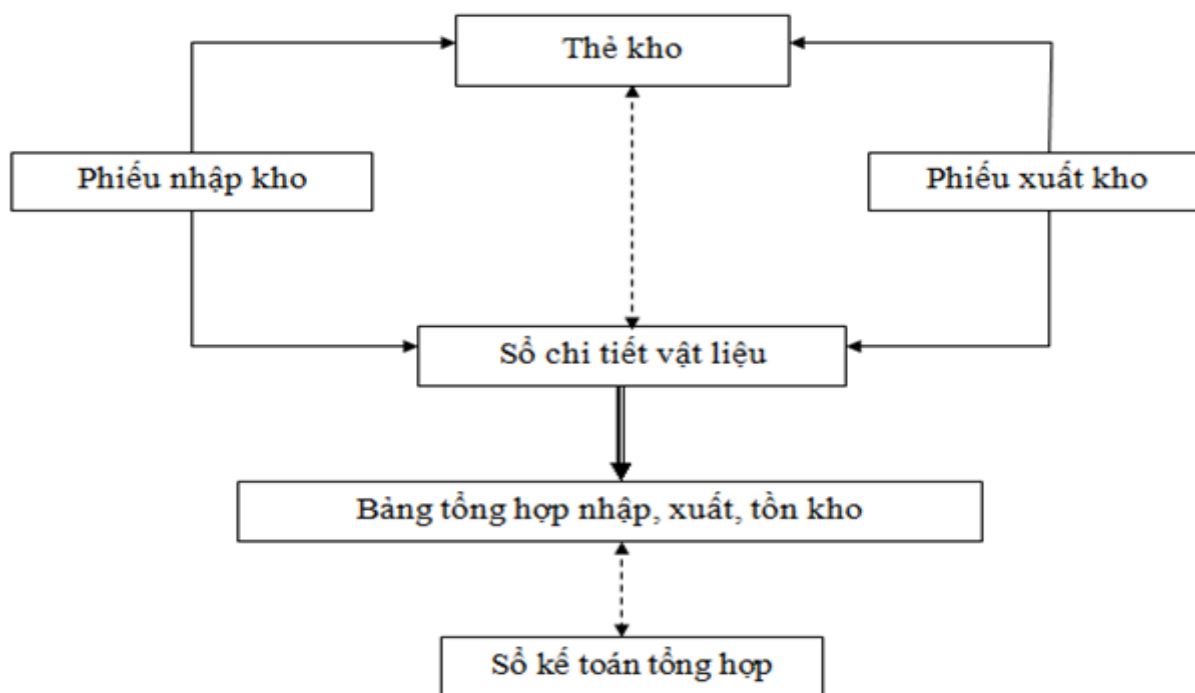
2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào trong quá trình sản xuất sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên việc sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện kế hoạch sản xuất.

Hạch toán chi tiết NVL, CCDC là một bộ phận quan trọng trong công tác tổ chức kế toán. Đặc điểm cơ bản trong hạch toán NVL, CCDC tại Công ty Cổ phần Sivico đó là công tác xuất NVL, CCDC trong tháng rất lớn.

Hiện nay, Công ty cổ phần Sivico hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, CCDC theo phương pháp thẻ song song.

Sơ đồ 2.4: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu, dụng cụ về mặt số lượng. Mỗi chứng từ nhập, xuất vật tư được ghi một dòng vào thẻ kho. Cuối tháng thủ kho phải tiến hành tổng cộng số nhập, xuất, tính ra hàng tồn kho về mặt lượng từng vật tư.

Tại phòng kế toán: Kế toán vật tư mở sổ chi tiết vật tư cho từng vật tư tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Sổ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác là theo dõi về mặt giá trị. Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho, kế toán vật tư phải kiểm tra, đối chiếu nhập số liệu vào phần mềm. Cuối tháng kế toán in Sổ chi tiết vật tư trên phần mềm và đối chiếu với thẻ kho. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải in ra Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá để đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 2.1: Ngày 01/11/2013 Mua bột CaCO₃ các loại của Công ty TNHH TM & sản xuất Minh Đức theo tổng giá thanh toán 45.652.860 (đã có VAT 10%)

Căn cứ HĐGTGT số 0003949 (Biểu số 2.1) và Biên bản giao nhận hàng hóa (Biểu số 2.2), phòng vật tư lập phiếu nhập kho số NL04 (Biểu số 2.3) một liên giao cho thủ kho và một liên giao cho phòng kế toán. Kế toán nhập số liệu trên phiếu nhập viết bằng tay vào phần mềm.

Ví dụ 2.2: Ngày 01/11/2013 xuất kho nguyên liệu bột thô các loại phục vụ sản xuất sơn BS DPI trắng. Phòng vật tư viết phiếu xuất số 03/11 (biểu 2.4) một liên giao cho thủ kho và một liên giao cho phòng kế toán. Kế toán nhập số liệu trên phiếu xuất viết bằng tay vào phần mềm.

Căn cứ PN NL04, PX 03/11, thủ kho ghi thẻ kho của Bột TX 132 – 01S (Biểu số 2.5)

Căn cứ PN NL04, PX 03/11, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán, sau đó phần mềm sẽ tự động vào Sổ chi tiết vật tư thành phẩm của Bột TX 132 – 01S (Biểu số 2.6)

Ví dụ 2.3: Ngày 20/11/2013 Mua trục in các loại của Công ty TNHH Việt Nam Dong Yun Plate making Miền Bắc theo tổng giá thanh toán 14.451.129 (đã có VAT 10%)

Căn cứ HĐGTGT số 0000988 (Biểu số 2.7) và Biên bản giao nhận hàng hóa (Biểu số 2.8), Phòng vật tư lập phiếu nhập kho số NL20 (Biểu số 2.9) một liên giao cho thủ kho và một liên giao cho phòng kế toán. Kế toán nhập số liệu trên phiếu nhập viết bằng tay vào phần mềm.

Ví dụ 2.4: Ngày 21/11/2013 xuất kho trục in túi bột giặt Visao và trục in túi 1kg Vandan 5 sao phục vụ sản xuất bao bì. Phòng vật tư viết phiếu xuất số 21/11 (biểu 2.10) một liên giao cho thủ kho và một liên giao cho phòng kế toán. Kế toán nhập số liệu trên phiếu xuất viết bằng tay vào phần mềm.

Căn cứ PN NL20, PX 21/11, thủ kho ghi vào thẻ kho của Trục in túi bột giặt Visao (Biểu số 2.11)

Căn cứ PN NL20, PX 21/11, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán, sau đó phần mềm sẽ tự động vào Sổ chi tiết vật tư thành phẩm của Trục in túi bột giặt Visao (Biểu số 2.12)

Cuối tháng, kế toán in ra từ phần mềm Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Biểu số 2.13 và 2.14)

Biểu số 2.1

HĐGTGT Minh Đức

Biểu số 2.2

Biên bản giao nhận hàng hoá của bột TX 132

Biểu số 2.3

Phiếu nhập NL04

Biểu số 2.4

Phiếu xuất PX 03/11

Biểu số 2.5

Công ty Cổ phần Sivico

Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

THẺ KHO VẬT TƯ

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Bột TX 132-01S

Đơn vị tính: Tấn

CHỨNG TỪ		Diễn giải	Tên Đ.v – K.hàng	SL nhập	SL xuất	SL tồn
Ngày	Chứng từ					
		<u>Tồn đầu kỳ</u>				<u>5,05</u>
01/11/2013	NL04-11.13	Nhập kho bột TX 132 từ Minh Đức	Công ty TNHH TM và SX Minh Đức	12,06		17,11
06/11/2013	XL03-11.13	Xuất nguyên liệu sản xuất sơn BS DPI trắng			8,88	8,23
07/11/2013	NL06-11.13	Nhập kho bột TX 132 từ Minh Đức	Công ty TNHH TM và SX Minh Đức	15		23,23
08/11/2013	XL06-11.13	Xuất nguyên liệu sản xuất sơn BS DPI trắng			6,8	16,43
.....					
		Cộng phát sinh tháng 11		22,08	20	
		<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>7,13</u>

Biểu số 2.6:

Công ty Cổ phần Sivico

Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ THÀNH PHẨM

Tài khoản : 152

Tên quy cách vật tư: Bột TX 132-01S

Chứng từ		Diễn giải	Nhập		Xuất		Tồn	
Ngày	Chứng từ		SL nhập	T.Tiền nhập	SL xuất	T.Tiền xuất	SL tồn	T.Tiền tồn
		<u>Tồn đầu kỳ</u>					5,05	5.726.700
01/11/2013	NL04-11.13	Nhập kho bột TX 132 từ Minh Đức	12,06	13.688.100			17,11	19.450.800
06/11/2013	XL03-11.13	Xuất nguyên liệu sản xuất sơn BS DPI trắng			8,88	10.069.920	8,23	9.380.880
07/11/2013	NL06-11.13	Nhập kho bột TX 132 từ Minh Đức	15	17.025.000			23,23	26.405.880
08/11/2013	XL06-11.13	Xuất nguyên liệu sản xuất sơn BS DPI trắng			6,8	7.711.200	16,43	18.694.680
.....						
		Cộng phát sinh tháng 11	22,08	25.060.800	20	22.680.000		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>					7.13	8.107.500

Biểu 2.7:

Hoá đơn GTGT Dong Yun

Biểu số 2.8

Công ty Cổ phần Sivico

Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân - HP

BIÊN BẢN GIAO NHẬN HÀNG HÓA

Số: 109/2013 Nhập tại kho: bao bì

<p>HÀNG MUA NỘI ĐỊA Căn cứ HĐ/PX số 0000988 ngày 20 tháng 11 năm 2013 Xuất xứ Công ty TNHH Dong Yun Plate making Miền Bắc Nhà cung cấp Người đặt hàng</p>	<p>HÀNG NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP Căn cứ tờ khai số.....Ngày.....tháng.....năm 2013 Xuất xứ Nhà cung cấp Người làm thủ tục nhập khẩu</p>
--	---

STT	TÊN VẬT TƯ SẢN PHẨM	Ký hiệu	ĐƠN VỊ TÍNH	LƯỢNG TRÊN CHỨNG TỪ	LƯỢNG THỰC NHẬP	XÁC SUẤT K.TRA (%)	GHI CHÚ
1	Trực in túi 1 kg vandan 5 sao	VD1000.03	Trục	300	300		
2	Trực in túi bột giặt visao	VISAO.01	Trục	100	100		
TỔNG:							

Trọng lượng: Thừa:.....

Thiếu:.....

Hải phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2013

NGƯỜI GIAO HÀNG

THỦ KHO

KT-HT

Biểu số 2.9

Đơn vị... **PHIẾU NHẬP KHO**

Số: NL 20

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ...

Nợ.....

QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Có.....

ngày 20 tháng 03 năm 2006

Ngày 20 tháng 11 năm 2013

của BTBTC

Họ, tên người giao hàng: Công ty TNHH Việt Nam Dong Yun Plate making Miền Bắc

Theo HĐ số 0000988

ngày 20 tháng 11 năm 2013

Nhập tại kho: công cụ dụng cụ

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Trục in túi 1kg Vandan 5sao		Trục		300		
2	Trục in túi bột giặt Visao		Trục		100		

Giám đốc

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Biểu số 2.10

Công ty Cổ phần Sivico

Khu công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân - HP

PHIẾU XUẤT CÔNG CỤ DỤNG CỤ SẢN XUẤT

Loại CCDC

Trục in

Số HĐ: 0000988 Số: 21/11

Bộ phận: In

Công cụ dụng cụ						
Số	Tên công cụ dụng cụ	Ký hiệu	Kg/mẻ	Tổng xuất	Thực xuất (kg)	Ký nhận
1	Trục in túi 1kg Vandan 5 sao	VD1000.03		300	300	
2	Trục in túi bột giặt Visao	VISAO.01		50	50	
		Tổng		350	350	

THỦ KHO

KTHT

KẾ TOÁN

Biểu số 2.11

Công ty Cổ phần Sivico

Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

THẺ KHO VẬT TƯ

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Trục in túi bột giặt Visao

Đơn vị tính: Trục

CHỨNG TỪ		Diễn giải	Tên Đ.v – K.hàng	SL nhập	SL xuất	SL tồn
Ngày	Chứng từ					
		<u>Số dư đầu kỳ</u>				<u>55</u>
...				
20/11/2013	NL20-11.13	Nhập kho trục in túi bột giặt Visao	Công ty TNHH VN Dong Yun Plate Making Miền Bắc	100		155
21/11/2013	XL21-11.13	Xuất trục in túi bột giặt Visao để sản xuất bao bì			50	105
22/11/2013	NL22-10.13	Nhập kho trục in túi bột giặt Visao	Công ty TNHH VN Dong Yun Plate Making Miền Bắc	250		355
23/11/2013	XL22-10.13	Xuất trục in túi bột giặt Visao để sản xuất bao bì			150	205
.....				
		Cộng phát sinh tháng 11		420	390	
		<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>85</u>

Biểu số 2.12

Công ty Cổ phần Sivico

Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ THÀNH PHẨM

Tài khoản: 153

Tên quy cách vật tư: Trục in túi bột giặt Visao

Chứng từ		Diễn giải	Nhập		Xuất		Tồn	
Ngày	Chứng từ		SL nhập	T.Tiền nhập	SL xuất	T.Tiền xuất	SL tồn	T.Tiền tồn
		<u>Số dư đầu kỳ</u>					55	1.237.500
....						
20/11/2013	NL20-11.13	Nhập kho trục in túi bột giặt Visao	100	2.356.830			155	3.594.330
21/11/2013	XL21-11.13	Xuất trục in túi bột giặt Visao để sản xuất bao bì			50	1.125.000	105	2.469.330
22/11/2013	NL22-11.13	Nhập kho trục in túi bột giặt Visao	250	5.892.075			355	8.361.405
23/11/2013	XL22-11.13	Xuất trục in túi bột giặt Visao để sản xuất bao bì			150	3.375.000	205	4.986.405
...							
		Cộng phát sinh tháng 11	420	9.898.686	390	8.775.000		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>					85	2.361.186

Biểu số 2.13

Công ty Cổ phần Sivico

Khu công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Từ ngày 01/11/2013 đến ngày 30/11/2013

Tài khoản: 152

STT	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
...									
1	Bột TX 132-01S	Tấn	5,05	5.726.700	22,08	25.060.800	20	22.680.000	7,13	8.107.500
2	Bột trung TX 149	Tấn	8,25	8.250.000	28,05	30.153.750	28	28.000.000	8,3	10.403.750
3	Bột mịn TX 105	Tấn	6,85	5.480.000	25,68	21.186.000	25,60	20.480.000	6,93	6.186.000
4	Hạt nhựa LLDPE	kg	366	12.416.425	380	13.144.120	320	11.064.497	426	14.496.048
5	Quintone R100	kg	5.800	346.247.628					5.800	346.247.628
....									
TỔNG CỘNG				13.957.957.642		10.209.798.393		8.986.538.914		15.181.217.121

Biểu số 2.14

Công ty Cổ phần Sivico

Khu công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Từ ngày 01/11/2013 đến ngày 30/11/2013

Tài khoản: 153

STT	Tên quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
...									
1	Trục in túi bột giặt Visao	Trục	55	1.237.500	420	9.898.686	390	8.775.000	85	2.361.186
2	Trục in túi 1kgVadan 5sao	Trục	50	1.650.000	380	13.655.376	360	11.880.000	70	3.425.376
3	Trục in túi bột giặt ViDan 1kg	Trục	32	688.000	355	7.881.000	350	7.525.000	37	1.044.000
4	Trục in túi bột giặt ViDan 2kg	Trục	22	451.000	270	5.805.000	260	5.330.000	32	926.000
....									
TỔNG CỘNG				359.908.844		337.683.457		376.937.198		320.655.103

2.2.6. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, Công ty Cổ phần Sivico sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, CCDC. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của Công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng:

- ✓ Hóa đơn GTGT.
- ✓ Phiếu nhập kho.
- ✓ Phiếu xuất kho.

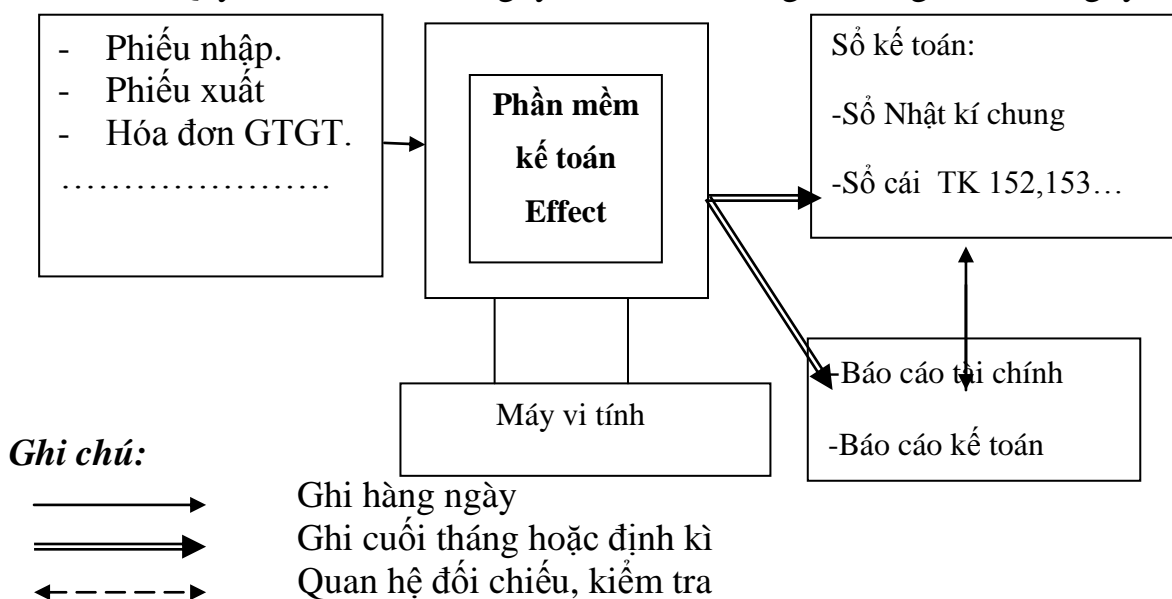
2.2.6.2. Tài khoản kế toán sử dụng:

- ✓ TK 152” Nguyên liệu, vật liệu”.
- ✓ TK 153” Công cụ, dụng cụ”.
- ✓ TK liên quan: TK 111, Tk 331, TK 133, TK 621.

2.2.6.3. Quy trình hạch toán:

Hàng ngày căn cứ từ các chứng từ gốc như phiếu nhập, phiếu xuất ...kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán, sau đó máy sẽ tự động vào các Sổ nhật ký chung, Sổ Cái TK 152, Sổ Cái TK 153....

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty:



2.2.6.4. Ví dụ minh họa:

Lấy lại các ví dụ ở phần kế toán chi tiết.

Căn cứ vào các phiếu nhập NL04, phiếu xuất 03/11, phiếu nhập NL20, phiếu xuất 21/11, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán, sau đó máy sẽ tự động vào các Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.15). Sổ Cái TK 152 (Biểu số 2.16), và Sổ Cái TK 153 (Biểu số 2.17)

Biểu số 2.15

Công ty Cổ phần Sivico

Khu công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/11/2013 đến ngày 30/11/2013

Chứng từ		Diễn giải	TK	TKĐƯ	Số phát sinh	
Ngày	Chứng từ				Nợ	Có
01/11/2013	NL04-11.13	Nhập kho bột CaCO ₃ từ Minh Đức	152	331	41.502.600	
01/11/2013	NL04-11.13		331	152		41.502.600
01/11/2013	NL04-11.13	...[Thuế GTGT đầu vào] Nhập kho bột CaCO ₃ từ Minh Đức	133	331	4.150.260	
01/11/2013	NL04-11.13		331	133		4.150.260
....					
06/11/2013	XL03-11.13	Xuất nguyên liệu sơn BS DPI trắng	621	152	10.069.920	
06/11/2013	XL03-11.13	Xuất nguyên liệu sơn BS DPI trắng	152	621		10.069.920
.....					
20/11/2013	NL20-11.13	Nhập trực in túi bột giặt Visao và túi 1kg Vandan 5 sao từ Dong Yun	153	331	13.137.390	
20/11/2013	NL20-11.13		331	153		13.137.390
20/11/2013	NL20-11.13	...[Thuế GTGT đầu vào] Nhập trực in túi từ Dong Yun	133	331	1.313.739	
			331	133		1.313.739
21/11/2013	XL21-11.13	Xuất trực in túi sản xuất bao bì	627	153	12.150.000	
21/11/2013	XL21-11.13	Xuất trực in túi Sxbao bì	153	627		12.150.000

Chứng từ		Diễn giải	TK	TKĐU	Số phát sinh	
Ngày	Chứng từ				Nợ	Có
...					
24/11/2013	NL24-11.13	Nhập trực in túi bột giặt Vidan 1kg từ Dong Yun	153	331	7.525.000	
24/11/2013	NL24-11.13		331	153		7.525.000
24/11/2013	NL24-11.13	...[Thuế GTGT đầu vào] trực in túi bột giặt Vidan 1kg	133	331	752.500	
24/11/2013	NL24-11.13		331	133		752.500
25/11/2013	NL25-11.13	Nhập khoạt nhựa LLDPE từ Thành Nam	152	111	13.144.120	
25/11/2013	NL25-11.13		111	152		13.144.120
25/11/2013	NL25-11.13	...[Thuế GTGT đầu vào] hạt nhựa LLDPE	133	111	1.314.412	
			111	133		1.314.412
....				
Tổng cộng					114.054.694.430	114.054.694.430

Biểu số 2.16

Công ty Cổ phần Sivico

Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

TỪ NGÀY 01/11/2013 ĐẾN NGÀY 30/11/2013

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Chứng từ			PS nợ	PS có	Dư nợ	Dư có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>				<u>13.957.957.642</u>	
01/11/2013	NL04-11.13	Nhập kho bột CaCO ₃ từ Minh Đức	331	41.502.600			
....						
06/11/2013	XL03-11.13	Xuất nguyên liệu sản xuất sơn BS DPI	621		10.069.920		
...						
25/11/2013	NL25-11.13	Nhập kho hạt nhựa LLDE của Thành Nam	111	13.144.120			
....					
		Cộng phát sinh tháng 11		10.209.798.393	8.986.538.914		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>15.181.217.121</u>	

Biểu số 2.17

Công ty Cổ phần Sivico

Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 153

TỪ NGÀY 01/11/2013 ĐẾN NGÀY 30/11/2013

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh		Số dư	
Ngày	Chứng từ			PS nợ	PS có	Dư nợ	Dư có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>				<u>359.908.844</u>	
...					
20/11/2013	NL20-11.13	Nhập trực intúi bột giặt Visao và túi 1kg Vandan 5 sao từ DongYun	331	13.137.390			
21/11/2013	XL21-11.13	Xuất trực in túi bột giặt Visao và túi 1kg Vandan 5 sao sản xuất bao bì	627		12.150.000		
....						
24/11/2013	XL24-11.13	Nhập trực in túi bột giặt Vidan 1kg từ Dong Yun	331	7.525.000			
...					
		Cộng phát sinh tháng 11		337.683.457	376.937.198		
		<u>Số dư cuối kỳ</u>				<u>320.655.103</u>	

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC
KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN SIVICO****3.1.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần Sivico:****3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới**

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, trước những yêu cầu nghiêm ngặt của quá trình hội nhập, trước những thách thức và biến động Công ty cổ phần Sivico đã có những định hướng cụ thể:

- Tìm hiểu thêm các hợp đồng kinh tế trong nước và quốc tế. Đưa tên tuổi của Sivico phát triển hơn nữa.
- Nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý kinh tế - kỹ thuật, mở rộng đầu tư cơ sở hạ tầng, đáp ứng mặt bằng thiết bị phục vụ sản xuất.
- Công tác phát triển nhân sự điều chỉnh lại cho phù hợp với từng vị trí công tác thể hiện được tính chuyên môn hóa cao. Quy hoạch và đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, có chính sách thù lao, khen thưởng hợp lý để khuyến khích công nhân viên phát huy hết khả năng của mình.
- Hội nhập các quan hệ kinh tế, khoa học công nghệ hợp tác.

3.1.2. Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu, CCDC nói riêng tại Công ty cổ phần Sivico

Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, công ty đã trải qua không ít khó khăn và thách thức để vươn lên tạo chỗ đứng cho mình trên thị trường. Đặc biệt là trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay khi nước ta đã gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế (WTO, APEC...) việc hội nhập đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải thay đổi cách nhìn nhận về một thị trường kinh tế mới có tính chuyên nghiệp cao và muốn tồn tại thì phải cạnh tranh . Đó chính là những động lực để công ty ngày càng nỗ lực, phát huy mọi thế mạnh từng bước vươn lên phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Để đứng vững trên thị trường và tạo lập được uy tín của mình như hiện nay không thể không nói đến sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo công ty và sự cố gắng phấn đấu vươn lên của các thành viên trong công ty. Tập thể lãnh đạo của công

ty đã sớm nhìn nhận được mặt yếu kém không phù hợp với cơ chế mới nên đã có nhiều biện pháp kinh tế hiệu quả, mọi sáng kiến luôn được phát huy nhằm từng bước khắc phục những khó khăn để hòa nhập với nền kinh tế thị trường.

Một doanh nghiệp với đặc điểm nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Qua quá trình nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty cho thấy công ty rất cố gắng trong việc nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Song qua thời gian thực tập nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Sivico em nhận thấy trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu, CCDC ở đây đã có những ưu điểm nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế, em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây, rất mong công ty tiếp tục phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm để hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu, CCDC trong thời gian tới.

3.1.2.1. Ưu điểm

Ngày nay, trong xu thế hội nhập toàn cầu, yêu cầu mỗi doanh nghiệp phải có những bước đi riêng để chuyển mình bắt kịp với những thay đổi mang tính cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường, qua đó tự khẳng định vị thế của mình. Công ty cổ phần SIVICO, một doanh nghiệp còn rất trẻ, đã phải vượt qua những thử thách của cơ chế thị trường có sự cạnh tranh gay gắt để không ngừng lớn mạnh đóng góp vào sự nghiệp "công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tăng cường công tác đảm an toàn giao thông" của đất nước, tự khẳng định vị trí của công ty trên thị trường cung cấp các sản phẩm Sơn giao thông nhiệt dẻo phản quang và Bao bì các loại tại Việt Nam. Khách hàng chủ yếu của Công ty tại thị trường trong nước là các Công ty quản lý và sửa chữa đường đô thị, đường quốc lộ, các nhà thầu xây dựng giao thông, các công ty sản xuất bột giặt, chất tẩy rửa, mỹ phẩm, thực phẩm,... Ngoài ra Công ty còn tham gia vào các gói thầu dự án quan trọng về giao thông như: QLI, QL2, QL6, Đường Hồ Chí Minh, ... Không những cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước, Công ty đang có kế hoạch tiếp cận một số thị trường ngoài nước như: Irắc, Lào, tiến tới xuất khẩu sản phẩm.

Công ty có một đội ngũ CBCNV gần 50 người, với độ tuổi lao động bình quân còn rất trẻ, các cán bộ quản lý, kỹ thuật, nhân viên đều có trình độ Đại học

chuyên ngành hoá học, điện, điện tử, tự động hoá, cơ khí chế tạo, kinh tế tài chính v.v... và công nhân lành nghề. Với một bộ máy quản lý tinh giản, không phức tạp, công kênh, dựa trên nền tảng "tin cậy, đoàn kết, sáng tạo, liên tục bổ sung nâng cấp trình độ chuyên môn" đã giúp công ty phát huy được tối đa hiệu quả các nguồn lực. Điều này một lần nữa khẳng định tầm quan trọng của nền kinh tế tri thức trong cuộc sống hiện đại ngày nay và đã được cụ thể vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với thế mạnh sẵn có về máy móc, thiết bị hiện đại công nghệ tiên tiến được chuyển giao từ tập đoàn DPI - Malaysia, cộng với tính cần cù, sức sáng tạo và kinh nghiệm của CBCNV công ty đã đem lại sự vượt trội về lợi thế so với các nhà sản xuất cạnh tranh, điều này được khẳng định qua chất lượng sản phẩm Sơn giao thông và Bao bì màng mỏng của công ty không ngừng đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu khách hàng.

Trong quá trình phát triển, Công ty không ngừng đổi mới hợp lý bộ máy quản lý nâng cao tay nghề cán bộ công nhân viên, đầu tư máy móc và thiết bị. Ban giám đốc cùng toàn thể công nhân viên từng bước hoàn thiện công tác quản lý và công tác kế toán phù hợp với quá trình phát triển ngành Công nghiệp trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Sivico nói riêng. Công ty đã đạt được những ưu điểm cụ thể sau:

❖ Về bộ máy kế toán nói chung

Phòng tài chính kế toán của Công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả thực hiện đúng theo chế độ hiện hành. Kế toán viên bao gồm những người có trình độ, năng lực, trung thực và nhiệt tình được bố trí đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể hợp lý và chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp được những thông tin nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Nhờ như vậy đã làm công tác kế toán của Công ty thực sự trở thành công cụ đắc lực cho lãnh đạo trong việc quản lý.

❖ Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nhận thấy tầm quan trọng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với quá trình sản xuất kinh doanh nên Công ty chú trọng đến công tác bảo quản và cất trữ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Tại kho của Công ty luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Định mức vật tư được xây dựng có khoa học và áp dụng khá nghiêm ngặt. Về vấn đề thanh toán với nhà cung cấp vật tư đều được nhân viên kế toán theo dõi

sát sao trên hệ thống sổ chi tiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối chiếu, thanh toán công nợ theo hợp đồng kinh tế.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ vào sự định hướng và sự chỉ đạo đúng đắn của tập thể Ban lãnh đạo công ty kết hợp với sự phấn đấu bền bỉ của toàn thể cán bộ, công nhân kỹ sư trong Công ty. Trong đó có sự đóng góp không nhỏ của những người làm công tác tài chính kế toán ở Công ty.

❖ Về chứng từ và sổ sách kế toán áp dụng

Công ty đã tổ chức tốt hệ thống chứng từ và vận dụng tài khoản kế toán tương đối đúng với chế độ kế toán và biểu mẫu do Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ được lập, kiểm tra luân chuyển thường xuyên, phù hợp với nghiệp vụ phát sinh. Hệ thống tài khoản của công ty sử dụng đã phản ánh đầy đủ mọi hoạt động kinh tế, việc sắp xếp phân loại các tài khoản trong hệ thống tài khoản của công ty tương đối phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty. Tất cả chứng từ sử dụng hầu hết đúng theo mẫu của Bộ tài chính mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006.

❖ Về tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là phù hợp với đặc điểm sản xuất của Công ty. Việc áp dụng phương pháp này cho phòng kế toán theo dõi và nắm bắt tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ một cách thường xuyên và liên tục. Từ đó phục vụ tốt công tác kế toán và giúp lãnh đạo biết rõ tình hình sản xuất của Công ty.

❖ Về tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, CCDC:

Công ty sử dụng phương pháp ghi thẻ song song để hạch toán chi tiết hàng tồn kho. Đây là phương pháp đơn giản, dễ làm, tính toán đơn giản và dễ kiểm tra, dễ đối chiếu.

❖ Về ứng dụng phần mềm kế toán:

Công ty đã sử dụng phần mềm kế toán Effect để giảm bớt khối lượng công việc của kế toán trưởng hay kế toán viên. Sử dụng phần mềm kế toán sẽ giúp công việc được thực hiện nhanh hơn, tốn ít thời gian, dễ sử dụng và mang tính hiệu quả cao. Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung được thực hiện trên phần mềm kế toán Effect. Hình thức này có ưu điểm ghi chép đơn giản, rõ ràng kết hợp các tài khoản tổng hợp và chi tiết trên cùng một sổ sách kế toán, tạo điều kiện thuận lợi trong việc lập báo cáo tài chính. Do đó hình thức này phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được trong công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ công ty còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện hơn.

- Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Sự biến động của giá cả của các loại vật tư trên thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuân thủ theo nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho vật tư ở công ty là rất cần thiết. Vì vậy công ty có thể nghiên cứu xem xét để có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng quy định.

- Về việc quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

Do công ty chưa lập sổ danh điểm vật tư để sắp xếp các loại vật tư nên việc kiểm tra, đối chiếu, hạch toán cũng như tính giá nguyên vật liệu gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, công tác kiểm kê nguyên vật liệu là công việc cần thiết để xác định lại số lượng, giá trị chất lượng vật tư trong kho, phát hiện giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý. Vì vậy nếu không được theo dõi thường xuyên sẽ không thể kịp thời phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số tồn kho thực tế và số tồn trên sổ sách. Bên cạnh đó công ty cũng chưa lập phiếu yêu cầu vật tư để kế toán có thể dễ dàng đối chiếu ghi phiếu xuất kho.

- Về xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu:

Hiện tại công ty chưa xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu mà thường có kế hoạch thu mua khi phát sinh nhu cầu. Vì vậy dễ dẫn đến tình trạng dự trữ nhiều một loại nguyên vật liệu mà không sử dụng hết ngay gây ứ đọng vốn, chất lượng của nguyên vật liệu bị giảm sút, hoặc dự trữ thiếu có thể làm cho doanh nghiệp ngừng sản xuất.

- Về việc luân chuyển chứng từ:

Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thương xuyên, tuy nhiên giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

- Về việc cập nhật sự thay đổi của chế độ kế toán mới:

Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 thay thế Thông tư 203 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao

tài sản cố định. Trong đó có một số điểm được sửa đổi, bổ sung như: Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) trở lên trong khi Thông tư 203 quy định là 10.000.000 đồng trở lên....

Tại công ty vẫn chưa thực hiện điều chỉnh lại các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo Thông tư 45 của Bộ Tài chính đã ban hành. Vì vậy, các tài sản các năm trước của công ty không đủ điều kiện theo Thông tư 45 cần phải được điều chỉnh lại theo đúng quy định của Bộ tài chính.

Cụ thể, một số TSCĐ tại công ty có giá trị từ trên 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng vẫn được xác định là đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo thông tư 203, nhưng theo như Thông tư 45 thì những tài sản đó chưa đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là TSCĐ.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty Cổ phần Sivico

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện

- ✚ Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty đặc biệt chú ý đến nguyên tắc sau:
- ✚ Nguyên tắc nhất quán: Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán.
- ✚ Nguyên tắc giá gốc: Quy định nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được tính theo giá gốc
- ✚ Nguyên tắc thận trọng: Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cần cẩn trọng từng bước.
- ✚ Nguyên tắc khả thi : Nguyên tắc này đảm bảo cho doanh nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chuẩn mực, chính sách pháp luật của Nhà nước .

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết. Để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yếu tố sau:

- ✚ Hoàn thiện dần dần để không gây ảnh hưởng đến công tác quản lý, sản xuất của doanh nghiệp.
- ✚ Đảm bảo luôn cung cấp thông tin về tình hình biến động của nguyên vật liệu một cách thường xuyên và liên tục.

- ✚ Các kiến nghị đưa ra phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán hiện hành, phải thiết thực, hợp lý, không quả tốn kém, phù hợp với doanh nghiệp.
- ✚ Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán ở Việt Nam.
- ✚ Phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích trong công tác hạch toán kế toán.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, CCDC tại Công ty cổ phần Sivico:

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã làm được, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu với lý luận thực tiễn, em xin đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.

3.2.3.1. Hoàn thiện việc lập Sổ danh điểm vật tư

Hiện nay, nguyên vật liệu chính của công ty rất đa dạng và phong phú. Mặc dù áp dụng phần mềm kế toán trong việc quản lý vật tư nhưng các loại vật tư trong công ty mới chỉ được đánh mã theo tên gọi nên việc quản lý các loại vật tư theo nhóm, theo loại vật tư chưa được khoa học. Vì vậy, để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán, theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở công ty được thống nhất.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp thuận tiện và hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- ✓ Dựa vào các nhóm nguyên vật liệu.
- ✓ Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi nhóm.
- ✓ Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu.
- Nguyên vật liệu chính: 1521
- Nguyên vật liệu phụ: 1522

Trong mỗi nhóm nguyên vật liệu phân thành các loại và lập mã số cho từng nhóm, từng loại. Ở công ty nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại thường không nhiều nên ta dùng chữ số để biểu thị.

Nhóm nguyên vật liệu chính: 1521

- Loại 1: Bột thô (1521- 01)
- Loại 2: Bột trung (1521-02)
- Loại 3: Bột mịn (1521-03)

Nhóm nguyên vật liệu phụ: 1522

- Loại 1: Túi sơn vàng.
- Loại 2: Túi sơn xanh.
- Loại 3: Túi sơn đỏ.

Nhóm công cụ dụng cụ cho quản lý: 1531

Nhóm công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất: 1532

Để cho dễ nhìn, dễ tìm hiểu giúp cho công việc quản lý NVL, công cụ dụng cụ được tiến hành một cách dễ dàng hơn, công ty có thể xây dựng thành bảng như sau

Biểu số 3.1

SỔ DANH ĐIỂM NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Tên nhãn hiệu , quy cách vật tư	ĐVT	Ghi chú
Nhóm	Loại				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521-01		Bột CaCo3		
		152-01-1	Bột thô	Tấn	
		152-01-2	Bột trung	Tấn	
		152-01-3	Bột mịn	Tấn	
.....	
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522-01		Túi sơn vàng	Chiếc	
	1522-02		Túi sơn xanh	Chiếc	
	1522-03		Túi sơn đỏ	Chiếc	
.....		
1531			Nhóm công cụ dụng cụ dùng cho quản lý		
	1531-01	1531-01-1	Bàn ghế	Bộ	
		1531-01-2	Máy vi tính	Chiếc	
1532			Nhóm công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất		
	1532-01		Các loại trục		
		1532-01-1	Trục in	Trục	
		1532-01-2	Trục vót keo	Trục	
.....		

3.2.3.2. Hoàn thiện việc lập phiếu yêu cầu vật tư:

Hiện nay công ty chưa có phiếu yêu cầu vật tư nên rất khó khăn trong việc đối chiếu ghi phiếu xuất kho. Vì vậy công ty nên lập phiếu yêu cầu vật tư để kế toán có thể dễ dàng đối chiếu hơn trong việc ghi phiếu xuất.

Biểu số 3.2

Công ty Cổ phần Sivico

Khu Công nghiệp Vĩnh Niệm – Lê Chân – HP

PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ

Số phiếu:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Họ và tên:.....Đơn vị :

Lý do sử dụng :

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng	Ghi chú

Phòng vật tư

Người yêu cầu

Phê duyệt

3.2.3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Vì nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất thẳng xuống phân xưởng sản xuất nên công tác luân chuyển chứng từ phải hết sức cẩn thận nếu không sẽ gây mất mát, nhầm lẫn hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ mà không quy được trách nhiệm cho phòng ban cụ thể nào được. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm được cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý và dễ tìm lại khi bị thất lạc. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của Công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.3

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ
Tháng 11 năm 2013

Chứng từ		Nội dung	Nơi nhận chứng từ	Người nhận ký tên	Người giao Ký tên
Ngày	Số				
				

3.2.3.4. Cập nhật sự thay đổi của chế độ kế toán mới:

Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Một số điểm thay đổi mới trong nội dung thông tư này như sau:

1. Tiêu chuẩn nhận biết TSCĐ: chỉ thay đổi về giá trị của TSCĐ phải từ 30.000.000 đồng trở lên (so với Thông tư số 203/2009/TT-BTC chỉ có 10.000.000 đồng).

2. Xử lý đối với các tài sản cố định đã áp dụng thông tư 203/2009/TT-BTC nay áp dụng thông tư 45/2013/TT-BTC, cần được xử lý như sau:

Đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư này thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

Tại công ty vẫn chưa thực hiện điều chỉnh lại các tài sản không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo Thông tư 45 của Bộ Tài chính đã ban hành. Vì vậy, các tài sản các năm trước của công ty không đủ điều kiện theo Thông tư 45 cần phải được điều chỉnh lại theo đúng quy định của Bộ tài chính.

Cụ thể, một số TSCĐ tại công ty có giá trị từ trên 10.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng vẫn được xác định là đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ theo thông tư 203, nhưng theo như Thông tư 45 thì những tài sản đó chưa đủ tiêu chuẩn để ghi nhận là TSCĐ và giá trị còn lại của các tài sản này phải được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của công ty, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

Ví dụ về một số tài sản sử dụng ở các bộ phận sau:

STT	Tên TSCĐ	Thời gian sử dụng (năm)	Nguyên giá	Ngày đưa vào sử dụng	Bộ phận sử dụng
1	Máy tính HP	3	11.000.000	23/01/2012	Phòng kế toán
2	Máy tính Samsung	3	15.500.000	01/06/2012	Phòng kế toán
3	Máy điều hòa Panasonic	3	18.000.000	11/06/2012	Phòng kế toán
...

Khi Thông tư 45/2013/TT-BTC chính thức được áp dụng, kế toán sẽ phải ghi giảm những tài sản còn sử dụng mà không đủ điều kiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC. Đồng thời, ghi nhận những tài sản này thành công cụ dụng cụ hoặc chi phí chờ phân bổ.

Thực hiện bút toán giảm tài sản, giảm giá trị khấu hao và ghi nhận giá trị còn lại của tài sản sẽ phân bổ vào chi phí theo quy định:

Nợ TK 627, 641, 642 (Nếu giá trị còn lại nhỏ)

Nợ TK 142, 242 (Nếu GTCL lớn phải phân bổ dần)

Nợ TK 214 – Hao mòn TSCĐ (Giá trị hao mòn)

Có TK 211 – TSCĐ hữu hình (Nguyên giá TSCĐ)

Hàng tháng thực hiện phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nợ TK 627, 641, 642

Có TK 142, 242

3.2.3.5. Hoàn thiện việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Sự biến động về giá cả của vật liệu trên thị trường ảnh hưởng rất lớn tới tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, tuân thủ nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ở công ty là rất cần thiết.

Công việc lập dự phòng được tiến hành như sau: dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi vào cuối niên độ kế toán khi lập báo cáo tài chính.

- Việc lập dự phòng giảm giá được tính cho từng loại vật liệu và được thực hiện thống nhất trong toàn công ty.
- Theo thông tư 288/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 “ Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp ” : cuối kì kế toán khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.
- Cuối niên độ kế toán phải hoàn nhập toàn bộ các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ trước và lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho đến cuối niên độ tiếp theo.
- Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được phản ánh ở tài khoản 159:

Kết cấu TK 159:

+ Bên Nợ: giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ

+ Bên Có: giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

+ Số dư Có: giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ

- Mức trích lập dự phòng tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá VL cho năm kế hoạch} = \frac{\text{Lượng VL tồn kho giảm giá tại thời điểm lập BCTC}}{\text{Giá hạch toán trên sổ kế toán}} \times \left(\frac{\text{Giá thực tế trên thị trường tại thời điểm lập BCTC}}{\text{Giá hạch toán trên sổ kế toán}} - 1 \right)$$

Ví dụ: Cuối năm 2013 giá bột năng CaCO₃ – N03T trên thị trường chỉ còn 814.000 đồng/tấn. Trong khi đó giá ghi sổ của công ty là 825.000 đồng/tấn, trong kho còn dự trữ 290 tấn khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho lượng vật liệu này.

Mức giảm giá bột năng CaCO₃ – N03T : 825.000 – 814.000 = 11.000 đồng/tấn

Mức trích lập dự phòng: 11.000(đồng) x 290 (tấn) = 3.190.000 (đồng)

Việc lập dự phòng giảm giá được tiến hành riêng cho từng loại vật liệu và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá vật tư như biểu 3.4 sau:

Biểu số 3.4:

Bảng kê dự phòng giảm giá vật tư

Năm 2013

Tên hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá ghi sổ	Đơn giá thực tế	Mức chênh lệch	Mức dự phòng
bột năng CaCO ₃ – N03T		tấn	290	825.000	814.000	11.000	3.190.000
bột năng CaCO ₃ – Y05B05		tấn	420	1.075.000	1.046.000	29.000	12.180.000
bột năng CaCO ₃ – B3050		tấn	345	1.135.000	1.112.000	23.000	7.935.000
Cộng							23.305.000

Kế toán định khoản:

Nợ 632: 23.305.000

Có 159: 23.305.000

Kế toán nhập số liệu từ bút toán trên vào phần mềm, số liệu sẽ tự động vào các sổ sách liên quan.

3.2.3.6. Hoàn thiện việc xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu

Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của công ty và ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu công ty không xác định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kế hoạch sản xuất có thể bị ngưng trệ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Nếu công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả nguyên vật liệu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh,

Nguyên vật liệu bị thiếu có thể làm cho doanh nghiệp phải ngưng sản xuất. Vì vậy, công ty nên xây dựng định mức dự trữ tối đa và tối thiểu cho từng loại nguyên vật liệu, tránh gây dự trữ quá nhiều hay quá ít một loại nguyên vật liệu nào đó.

Việc xây dựng này căn cứ trên kế hoạch, định mức tiêu hao cho từng loại nguyên vật liệu cũng như tình hình và khả năng của công ty.

Xây dựng được định mức dự trữ sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu vừa đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng, hoạt động sản xuất được diễn ra thường xuyên, liên tục, không bị ngưng trệ cũng như nắm bắt kịp thời các cơ hội trong kinh doanh.

KẾT LUẬN

Sau một thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Sivico được làm quen với thực tế hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cùng với phân lý thuyết được nghiên cứu em đã học hỏi rất nhiều điều bổ ích để củng cố thêm những kiến thức về lý luận mà em đã được học ở trường. Đồng thời đợt thực tập này cũng giúp em nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với việc quản lý của công ty. Từ khâu lập chứng từ kế toán, kiểm soát và luân chuyển chứng từ kế toán, ghi chép hệ thống sổ sách kế toán, quá trình thanh toán, tập hợp chi phí...và đặc biệt đi sâu vào trong công tác hạch toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ. Từ đó thấy được những mặt mạnh cần phát huy và những điểm còn tồn tại để khắc phục nhằm góp phần nhỏ bé hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở Công ty Cổ phần Sivico. Khóa luận đã đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng cũng như công tác kế toán nói chung.

Do trình độ lý luận còn hạn chế và thời gian thực tập không nhiều, bài khóa luận của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, em mong nhận được ý kiến đóng góp của cô giáo hướng dẫn, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh để khóa luận của em được hoàn thiện hơn về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn cô giáo Th.S Nguyễn Thị Mai Linh cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần Sivico đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Trịnh Thùy Linh